



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU

Địa chỉ: Số 92, đường Lê Duẩn, khóm 7, phường 1, Bạc Liêu.

Mã số doanh nghiệp: 1900605680.

Điện thoại: 02913.822227

Fax: 02913.824812

Email: capnuoctpbaclieu@gmail.com

Website: capnuocbaclieu.com.vn

TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Bạc Liêu, ngày 25 tháng 05 năm 2022

Số: 01/QC-CTY

Bạc Liêu, ngày 25 tháng 5 năm 2022

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được Đại Hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 19/12/2015 và được sửa đổi, bổ sung ngày 19/9/2019.

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này được áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (Công ty), đảm bảo thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Thực hiện nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông, đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

3. Đối tượng áp dụng: Cổ đông/Người đại diện cổ phần của cổ đông có quyền biểu quyết, thành viên Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

**CHƯƠNG II
CÁC QUY ĐỊNH TẠI ĐẠI HỘI**

Điều 2. Điều kiện tham gia Đại hội

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu theo danh sách cổ đông chốt đến ngày 15/10/2021 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Cổ đông có tên trong danh sách trên được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

Điều 3. Thủ tục đăng ký tham gia đại hội

1. Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội cổ đông cần mang theo các giấy tờ sau:

- Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc hộ chiếu;



- Bản chính Phiếu đăng ký/Giấy ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).

2. Các cổ đông hoặc người được ủy quyền khi đến tham dự Đại hội phải đăng ký với Ban kiểm tra tư cách cổ đông và xuất trình các giấy tờ trên để nhận tài liệu Đại hội.

- Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, trong đó:

+ Thẻ biểu quyết (Có thông tin về Mã số biểu quyết; Số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và/hoặc được ủy quyền)

+ Phiếu biểu quyết (Có thông tin về nội dung các vấn đề cần biểu quyết thông qua hình thức đánh dấu vào ô tương ứng (tán thành, không tán thành, không có ý kiến).

- Phiếu bầu cử thành viên HĐQT, Ban kiểm soát

+ Phiếu bầu cử màu HỒNG để bầu thành viên Hội đồng quản trị.

+ Phiếu bầu cử màu XANH để bầu thành viên Ban Kiểm soát.

Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến trễ khi Đại hội đã khai mạc thì sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp sẽ được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt ngày ../../2021 của Công ty cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

CHƯƠNG III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 5. Chủ tọa, Đoàn chủ tịch

Chủ tọa là Chủ tịch HĐQT đương nhiệm theo quy định của Luật doanh nghiệp. Chủ tọa chỉ định các thành viên Đoàn chủ tịch để thực hiện điều hành Đại hội đồng cổ đông theo thẩm quyền:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự theo kế hoạch của Ban tổ chức, đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.

- Trình dự thảo những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.

Điều 6. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

- Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội do Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội có trách nhiệm:

- Kiểm tra tư cách của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với Danh sách cổ đông có quyền dự họp theo ngày đã chốt;

- Phát tài liệu Đại hội và các Thẻ biểu quyết;
- Báo cáo trước Đại hội về điều kiện tiến hành họp và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.

Điều 7. Ban thư ký Đại hội

Ban Thư ký Đại hội do Chủ tọa chỉ định và được Đại hội biểu quyết tán thành. Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, Đoàn chủ tịch gồm các nhiệm vụ sau:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ các nội dung tại Đại hội.
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu, phiếu đóng góp ý kiến của cổ đông.
- Soạn thảo Biên bản cuộc họp và Nghị quyết các vấn đề được Đại hội thông qua.
- Công bố Biên bản và Dự thảo Nghị quyết Đại hội.

Điều 8. Ban bầu cử và kiểm phiếu

- Ban bầu cử và kiểm phiếu do Chủ tọa đại hội đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức giơ phiếu biểu quyết trực tiếp tại đại hội. Thành viên ban kiểm phiếu có thể không phải là cổ đông Công ty.

- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - + Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.
 - + Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa, Đoàn chủ tịch, Ban thư ký kết quả biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội.
 - + Phổ biến, hướng dẫn nguyên tắc, thể lệ bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
 - + Tổ chức phát phiếu, thu phiếu, kiểm phiếu bầu cử, lập biên bản và báo cáo trước Đại hội về kết quả bầu cử.
 - + Xem xét và báo cáo Đại hội quyết định những vấn đề phát sinh liên quan đến bầu cử.

Điều 9. Các cổ đông tham dự Đại hội

1. Cổ đông/Người ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội có quyền và nghĩa vụ tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp (*Các nội dung thông qua Đại hội theo chương trình đính kèm*).

2. Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền cổ đông phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông: ăn mặc lịch sự, thực hiện nghiêm túc theo sự hướng dẫn của Ban tổ chức, ứng xử văn minh, không gây mất trật tự. Tôn trọng quyền điều hành của Đoàn chủ tịch, tôn trọng kết quả biểu quyết của Đại hội.

CHƯƠNG IV THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT VÀ BIÊN BẢN ĐẠI HỘI

Điều 10. Thảo luận tại Đại hội

Tại Đại hội, cổ đông hoặc người được ủy quyền có quyền thảo luận và phát biểu ý kiến nhưng phải tuân thủ các quy định sau:

- Được sự chấp thuận của chủ tọa;
- Phải nêu tên, mã số cổ đông trước khi phát biểu;
- Nội dung phát biểu phải ngắn gọn, phù hợp với chương trình Đại hội và tránh trùng lặp với các nội dung đã được phát biểu trước;

5680
NG TY
PHÂN
ÁP NƯ
BẠC L
AC LIÊU

- Thời gian phát biểu không quá 03 phút cho 01 lần phát biểu;
- Cổ đông tham dự Đại hội có thể ghi các nội dung vào giấy để chuyển cho Ban thư ký tập hợp. Đoàn Chủ tịch sẽ giải đáp các thắc mắc của các cổ đông hoặc chỉ định người có trách nhiệm trong Ban điều hành Công ty trả lời. Trường hợp nhiều ý kiến của cổ đông trùng nhau thì Đoàn Chủ tịch sẽ trả lời chung cho tất cả cổ đông.

Điều 11. Biểu quyết thông qua tại Đại hội

1. Nguyên tắc biểu quyết

Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải thông qua bằng cách: Lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông hoặc đại diện cổ đông tham dự Đại hội bằng Thẻ biểu quyết hoặc Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu.

2. Thẻ lệ biểu quyết

a) Biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết:

Biểu quyết đối với Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Ban bầu cử và kiểm phiếu; Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Quy chế bầu cử; Báo cáo của HĐQT; Báo cáo của BKS; Biên bản và Nghị quyết Đại hội; Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS; Tờ trình thông qua bầu thành viên HĐQT và BKS; Tờ trình thông qua danh sách ứng cử HĐQT và BKS.

b) Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết:

- Biểu quyết nội dung các tờ trình tại Đại hội;
- Bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát (*thực hiện theo quy chế bầu cử*).

3. Cách thức biểu quyết:

a) Hình thức Thẻ biểu quyết (giơ thẻ):

Theo hướng dẫn của Chủ tọa, Đoàn chủ tịch, cổ đông lần lượt biểu quyết (*tán thành, không tán thành hay không có ý kiến*) từng vấn đề bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Khi biểu quyết, mặt trước của thẻ biểu quyết phải được hướng về phía Đoàn chủ tịch.

b) Hình thức Phiếu biểu quyết (bỏ phiếu):

- Biểu quyết bằng cách lựa chọn đánh dấu "X" vào ô tương ứng trên Phiếu biểu quyết (*tán thành, không tán thành hay không có ý kiến*). Cổ đông bỏ Phiếu biểu quyết đã được đánh dấu chọn vào thùng phiếu theo hướng dẫn.

- Bầu thành viên HĐQT, Ban kiểm soát (*thực hiện theo Quy chế bầu cử*)

4. Các phiếu biểu quyết không hợp lệ sẽ không được tính bao gồm:

- Phiếu không theo mẫu do Ban tổ chức phát hành và không có dấu của Công ty;
- Phiếu gạch xóa, sửa chữa ghi thêm nội dung không do Chủ tọa Đại hội yêu cầu;
- Phiếu không có chữ ký, không ghi rõ họ tên của cổ đông/đại diện cổ đông;
- Phiếu biểu quyết không được lựa chọn hoặc lựa chọn nhiều hơn một phương án cho một vấn đề biểu quyết.

5. Nguyên tắc thông qua các nội dung xin ý kiến Đại hội:

Cổ đông, đại diện cho cổ đông tham dự Đại hội đều có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội, quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu.

Các nội dung trình Đại hội sẽ được lấy ý kiến biểu quyết và chỉ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

Điều 12. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký ghi vào biên bản Đại hội.

Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được lập xong và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên được lưu giữ tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu và được đăng tải lên Website của Công ty.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Cấp nước Bạc Liêu gồm IV Chương 13 Điều. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

Các cổ đông, thành viên Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu chịu trách nhiệm thi hành./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng CĐ;
- Lưu: HS ĐHĐCĐ 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



**QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2021-2025
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được Đại Hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 19/12/2015 và được sửa đổi, bổ sung ngày 19/9/2019.

Điều 1. Mục tiêu, phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này được sử dụng cho việc đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (Công ty) tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021, đảm bảo được thực hiện đúng quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Mục tiêu đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông. Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

3. Quy chế này quy định và điều chỉnh các hoạt động về việc đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS).

4. Đối tượng áp dụng: Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết, Thành viên Tổ bầu cử và kiểm phiếu và các đơn vị có liên quan đến việc tổ chức họp ĐHCĐ thường niên năm 2021.

Điều 2: Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông

1. Quyền của các cổ đông khi tham dự Đại hội

Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự họp ĐHCĐ đều nhận một phiếu bầu cử thành viên HĐQT, BKS trên phiếu có ghi rõ số cổ phần mà cổ đông đó nắm giữ và số phiếu tương ứng cổ đông được sử dụng để bầu.

2. Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội

- Tuân thủ các điều kiện và thể thức bầu cử quy định tại Quy chế này và tôn trọng kết quả bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;

- Cổ đông, đại diện cổ đông phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự với Ban tổ chức Đại hội. Khi được phát phiếu bầu cử phải kiểm tra lại số cổ phần ghi trên phiếu bầu cử, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban tổ chức tại thời điểm nhận phiếu.



CHƯƠNG II
QUY ĐỊNH VỀ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Đề cử, ứng cử, bầu cử vào Hội đồng quản trị.

1. Số lượng, nhiệm kỳ

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị: 03 người.
- Nhiệm kỳ: 05 năm 2021-2025.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

- Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của 01 công ty đại chúng.
- Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

3. Đề cử ứng cử viên bầu vào Hội đồng quản trị

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử viên HDQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 35% số cổ phần có quyền đề cử (01) thành viên Hội đồng quản trị; từ 35% đến dưới 51% số cổ phần có quyền đề cử (02) thành viên Hội đồng quản trị; từ 51% số cổ phần trở lên có quyền đề cử (03) thành viên Hội đồng quản trị.

- Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

- Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Đề cử ứng cử viên bầu vào Ban kiểm soát

1. Số lượng, nhiệm kỳ

- Số lượng thành viên Ban kiểm soát: 03 người.
- Nhiệm kỳ: 05 năm 2021-2025.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

a) Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

- Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

- Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

- Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó;

- Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

b) Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản này, Kiểm soát viên công ty đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 169 Luật doanh nghiệp.

c) Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Đề cử ứng cử viên bầu vào Ban kiểm soát

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 35% số cổ phần có quyền đề cử (01) thành viên Ban kiểm soát; từ 35% đến dưới 51% số cổ phần có quyền đề cử (02) thành viên Ban kiểm soát; từ 51% số cổ phần trở lên có quyền đề cử (03) thành viên Ban kiểm soát.

- Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

- Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty. Việc Ban kiểm soát giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hồ sơ tham gia ứng cử đề cử ứng viên để bầu thành viên HĐQT, BKS

- Đơn đề cử, ứng cử vào các chức danh HĐQT, BKS theo mẫu (01 bản gốc).

- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần (tại thời điểm gửi hồ sơ đề cử/ứng cử) của cá nhân/tổ chức hoặc nhóm đề cử, ứng cử vào các chức danh Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp cổ phần của cổ đông chưa lưu ký tại Công ty chứng khoán thì thay thế bằng sổ chứng nhận cổ phần bản sao có công chứng.

- Sơ yếu lý lịch của ứng viên theo mẫu (01 bản gốc).

- Bản sao chứng thực CMND (CCCD hoặc hộ chiếu nếu là người nước ngoài); các văn bằng chứng minh ứng cử viên đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật (01 bản sao công chứng).

CHƯƠNG III

BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

Điều 6. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu.

1. Phiếu bầu

- Phiếu bầu được in thống nhất do Ban tổ chức phát hành (phiếu màu HỒNG bầu Hội đồng quản trị và phiếu màu XANH bầu Ban kiểm soát)

- Trên phiếu bầu ghi rõ danh sách các ứng viên được sắp xếp theo thứ tự ABC; Tên cổ đông hoặc Người đại diện ủy quyền; Tổng số phiếu biểu quyết;

- Cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền được phát đồng thời phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị và phiếu bầu Ban kiểm soát theo mã số tham dự (sở hữu và được ủy quyền) ngay khi đăng ký tham dự Đại hội.

2. Ghi phiếu bầu.

- Cổ đông hoặc Người đại diện ủy quyền phải tự mình ghi số quyền biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống tương ứng trên phiếu bầu. Trong trường hợp ủy quyền hợp lệ (có giấy ủy quyền), người được ủy quyền có đầy đủ quyền biểu quyết.

- Cổ đông không bỏ phiếu bầu cho ứng cử viên nào thì phải đánh dấu gạch chéo (x) vào ô số phiếu được bầu của ứng cử viên đó trong danh sách bầu cử.

- Ký xác nhận việc thực hiện bầu.

3. Trường hợp phiếu bầu không hợp lệ.

- Phiếu không do Ban tổ chức phát hành, không theo mẫu quy định của Công ty hoặc không có dấu của Công ty;

- Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;

- Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền);

- Phiếu gạch bỏ hết tên các ứng cử viên;

- Cổ đông hoặc Người đại diện ủy quyền không ký xác nhận trên phiếu bầu;

- Phiếu trống, phiếu ghi thêm ký hiệu riêng.

- Các trường hợp khác do chủ tọa đại hội quyết định.

Điều 7. Phương thức bầu cử

- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

- Tổng số phiếu bầu của mỗi cổ đông tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cổ phần cá nhân sở hữu và cổ phần được ủy quyền đại diện) x (nhân) với

số lượng thành viên Hội đồng quản trị được bầu (03) hoặc số lượng thành viên Ban kiểm soát được bầu (03). Cổ đông có thể sử dụng số cổ phần có quyền biểu quyết của mình để bầu cho một hoặc một số ứng cử viên.

- Nguyên tắc bầu cử được quy định cụ thể tại Phụ lục hướng dẫn ghi Phiếu bầu HĐQT, BKS ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 8. Ban bầu cử và kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Ban bầu cử và kiểm phiếu

- Ban bầu cử và kiểm phiếu gồm 03 người do Đoàn chủ tịch đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT, Ban kiểm soát.

- Ban bầu cử và kiểm phiếu có trách nhiệm tiến hành các thủ tục cần thiết cho việc bỏ phiếu bầu thành viên HĐQT, BKS: Chuẩn bị thùng phiếu; phổ biến quy chế bầu cử; thông qua danh sách ứng viên bầu HĐQT, BKS; hướng dẫn ghi phiếu, trình tự bỏ phiếu; giám sát việc bỏ phiếu và tiến hành kiểm phiếu; công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban Bầu cử và kiểm phiếu công bố trước Đại hội cổ đông.

Điều 9. Nguyên tắc xác định trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

- Việc lựa chọn các ứng cử viên trúng cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được căn cứ theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

- Ứng cử viên trúng cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là 03 ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất.

Điều 10. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban Bầu cử và kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu theo phương thức bầu dồn phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp; số và tỉ lệ phiếu hợp lệ; phiếu không hợp lệ; số cổ phần biểu quyết và tỉ lệ cổ phần có quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào Hội đồng quản trị; BKS; Danh sách thành viên HĐQT, BKS trúng cử được sắp xếp theo thứ tự số phiếu bầu từ cao xuống thấp.

- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội và được ghi nhận vào Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu

Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Đoàn chủ tịch Đại hội giải quyết ngay tại Đại hội và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 03 Chương và 12 Điều do Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu ban hành, tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan.

Quy chế này chính thức có hiệu lực và được áp dụng tại ĐHCĐ thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Cấp nước Bạc Liêu sau khi được ĐHCĐ thông qua.

Các cổ đông, thành viên Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu chịu trách nhiệm thi hành./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT.





PHỤ LỤC

HƯỚNG DẪN BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BKS NHIỆM KỲ 2021 – 2025 THEO PHƯƠNG THỨC BẦU DÒN PHIẾU

(Ban hành kèm theo Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử HĐQT, BKS tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu)

1. Loại phiếu bầu cử:

- Phiếu màu HỒNG: Bầu thành viên Hội đồng quản trị.
- Phiếu màu XANH: Bầu thành viên Ban kiểm soát

2. Ghi phiếu

- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cổ phần sở hữu và được ủy quyền) x (nhân) với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị, x (nhân) với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát.

- Tổng số phiếu bầu của mỗi cổ đông đã được ghi trên phiếu bầu cử.

- Cổ đông có thể chia tổng số phiếu bầu cho tất cả các ứng viên, hoặc dồn hết tổng số phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên nhưng đảm bảo: Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên theo phương thức bầu dồn phiếu không vượt quá tổng số phiếu bầu ghi trên Phiếu bầu cử.

Ví dụ 1: Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chọn 01 thành viên bầu vào Hội đồng quản trị. Quý cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A là:

1.000 x 1 = 1.000 Phiếu để bầu thành viên Hội đồng quản trị

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu dồn phiếu theo phương thức sau:

*** Phương thức 1: Cổ đông Nguyễn Văn A chia đều Tổng số phiếu bầu của mình cho 02 ứng viên vào Hội đồng quản trị**

Họ tên ứng cử viên	Số Phiếu bầu
1. Ứng cử viên 1	500
2. Ứng cử viên 2	500
Tổng số phiếu bầu	1.000

*** Phương thức 2: Cổ đông Nguyễn Văn A dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho 01 ứng cử viên**

Họ tên ứng cử viên	Số Phiếu bầu
1. Ứng cử viên 1	0
2. Ứng cử viên 2	1.000
Tổng số phiếu bầu	1.000

** Phương thức 3: Cổ đông Nguyễn Văn A bỏ phiếu bầu của mình cho 02 ứng viên nhưng không đều nhau*

Họ tên ứng cử viên	Số Phiếu bầu
1. Ứng cử viên 1	400
2. Ứng cử viên 2	600
Tổng số phiếu bầu	1.000

** Phương thức 4: Cổ đông Nguyễn Văn A không dồn hết phiếu bầu của mình cho các ứng viên*

Họ tên ứng cử viên	Số Phiếu bầu
1. Ứng cử viên 1	800
2. Ứng cử viên 2	0
Tổng số phiếu bầu	800

3. Bỏ phiếu: Cổ đông bỏ phiếu bầu cử HĐQT, BKS vào thùng phiếu.

Số 03/BC-HĐQT

Bạc Liêu, ngày 25 tháng 10 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ 2016-2020, KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2020; ĐỊNH HƯỚNG
HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2021-2025, KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Quyết định số 42/QĐ-ĐTKDV ngày 17/5/2019 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) về việc ban hành Quy chế Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu sửa đổi, bổ sung lần 01 ngày 19/9/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (Công ty) báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ năm 2016-2020, kết quả thực hiện năm 2020 và định hướng hoạt động nhiệm kỳ năm 2021-2025, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, với các nội dung như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên công ty: Công ty cổ phần Cấp nước Bạc Liêu
- Tên viết tắt: BAWACO
- Mã chứng khoán: BLW
- Sàn giao dịch: Upcom
- Địa chỉ trụ sở chính: 92 Lê Duẩn, khóm 7, phường 1, tp Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
- Điện thoại: 0291.3827777 - Fax: 0291.3824812
- Vốn điều lệ: 111.688.000.000 đồng - Số cổ phần: 11.168.800 - Mệnh giá cổ phần 10.000 đồng/cổ phần
- Cơ cấu vốn tại ngày 31/12/2020:
 - + Vốn nhà nước: 110.176.000.000 đồng, chiếm tỉ lệ 98,65%
 - + Vốn cổ đông tham gia Công ty cổ phần là 1.512.000.000 đồng, chiếm 1,35%

2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch; Sản xuất, kinh doanh nước uống đóng chai; Đầu tư, thi công xây dựng các công trình dân dụng; Thi công công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Lắp đặt hệ thống cấp-thoát nước; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Kinh doanh vật tư ngành nước.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý

Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2016-2020

1. Nhân sự Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2020:

Đại hội đồng cổ đông thành lập theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/12/2015 của Công ty bầu HĐQT nhiệm kỳ năm 2016-2020 gồm 03 thành viên, như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh	Cơ chế hoạt động
1	Ông Trần Văn Sỹ	Chủ tịch HĐQT	Kiểm nhiệm
2	Ông Lê Văn Sơn	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 20/4/2018 nghỉ hưu theo chế độ)	Chuyên trách
3	Ông Võ Minh Trang	Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc	Chuyên trách

Thực hiện Công văn số 667/UBND-TH ngày 20/2/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu từ Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước. Theo đó, thành viên HĐQT công ty có sự thay đổi như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh	Cơ chế hoạt động
1	Ông Quốc Hồ Đình Tuấn	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 19/9/2019 đến ngày 28/4/2020, miễn nhiệm do nghỉ hưu theo chế độ)	Kiểm nhiệm
2	Ông Đặng Minh Thừa	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 28/4/2020 đến nay)	Kiểm nhiệm
3	Ông Lê Văn Huy	Thành viên HĐQT	Kiểm nhiệm
4	Ông Võ Minh Trang	Thành viên HĐQT-Tổng giám đốc	Chuyên trách

2. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2020

2.1. Một số chỉ tiêu kinh tế:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kết quả thực hiện nhiệm kỳ 2016-2020				
			2016	2017	2018	2019	2020
1	Vốn chủ sở hữu	Trđ	112.327	112.407	112.407	120.323	121.654
2	Vốn điều lệ	Trđ	111.688	111.688	111.688	111.688	111.688
3	SL nước tiêu thụ	M ³	5.976.143	6.314.025	6.891.366	7.268.097	7.584.618
4	Tỷ lệ thất thoát	%	10,80	10,77	10,34	9,53	9,73
5	Tổng doanh thu	Trđ	45.604	49.290	54.354	62.920	62.915
6	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	5.172	6.257	7.595	10.982	10.279
7	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	4.138	4.957	6.051	8.749	8.814
8	Thu nhập BQ NLD	Trđ	8,51	9,11	10,77	11,59	12,09
9	Nộp ngân sách	Trđ	6.429	7.904	8.523	9.658	9.377
10	LNST chia cổ tức	Trđ	2.234	3.123	3.741	6.142	6.142
11	Tỷ lệ cổ tức/LNST	%	53,99	63,00	61,82	70,20	69,68
12	Tỷ suất cổ tức/vốn cp	%	2,00	2,80	3,35	5,50	5,50

2.2. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

Nhiệm kỳ 2016 - 2020 là nhiệm kỳ đầu tiên của Công ty cổ phần Cấp nước Bạc Liêu hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, đồng thời cũng là giai đoạn nền kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam có nhiều biến động. Trong điều kiện kinh tế, xã hội của tỉnh còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng với sự lãnh đạo của HĐQT cùng Ban điều hành và toàn thể người lao động Công ty đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao và đã đạt được một số kết quả khả quan.

Các thành viên HĐQT với nhiệm vụ quyền hạn được phân công phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nêu cao tinh thần trách nhiệm trước cổ đông của Công ty, có những đóng góp tích cực trong điều hành. Quan tâm chỉ đạo sâu sát kịp thời các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, bám sát tình hình thực tế, vận dụng điều kiện cơ sở vật chất hiện có sử dụng tối đa nguồn lực, xác định được nhiệm vụ trọng tâm, đầu tư hiệu quả phục vụ cấp nước an toàn đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của người dân, đảm bảo chất lượng nước đầu ra theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế đồng thời mang lại hiệu quả kinh doanh.

Ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong điều hành nhằm tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả quản lý, xây dựng chế độ vận hành các giếng nước thô, nước sạch hợp lý điều chỉnh thường xuyên thông qua hệ thống giám sát áp lực từ xa, lắp đặt các thiết bị

biến tần để điều chỉnh tự động tốc độ làm việc của các bơm tiết kiệm chi phí điện năng sử dụng cho sản xuất, từ việc ứng dụng công nghệ trong quản lý hiện nay mức tiêu thụ điện sản xuất 0,38kw/m³ giảm so với trước đây là 0,44kw/m³;

Hội đồng quản trị hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ quản trị Công ty. Luôn tôn trọng và đảm bảo quyền lợi của cổ đông, thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Củng cố sắp xếp ổn định nhân sự kiện toàn bộ máy quản lý điều hành theo hướng tinh gọn, hiệu quả, thực hiện điều động luân chuyển cán bộ quản lý, người lao động phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề tạo điều kiện phát huy hết năng lực cá nhân.

Bảo toàn và phát triển nguồn vốn; tạo việc làm, nâng cao đời sống, thu nhập cho người lao động, đảm bảo cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra.

Tuân thủ các quy định của pháp luật trong công tác tài chính đảm bảo mục tiêu bảo toàn và phát triển vốn; Kiểm soát quản lý tốt chi phí, tăng cường công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nâng cao hiệu sử dụng vốn của Công ty.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đảm bảo tính minh bạch, khách quan, phản ánh trung thực tình hình hoạt động của công ty.

3. Tổng kết các cuộc họp HĐQT và các Nghị quyết, quyết định của HĐQT

Trong nhiệm kỳ qua HĐQT đã duy trì tổ chức đều đặn các cuộc họp định kỳ theo quy định, thực hiện ban hành 37 Nghị quyết và 47 Quyết định về các vấn thuộc thẩm quyền của HĐQT (đính kèm Phụ lục I và II)

- Năm 2016: Hội đồng quản trị đã tổ chức 05 cuộc họp.
- Năm 2017: Hội đồng quản trị đã tổ chức 07 cuộc họp.
- Năm 2018: Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 cuộc họp.
- Năm 2019: Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 cuộc họp.
- Năm 2020: Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 cuộc họp.

Ngoài các phiên họp định kỳ mỗi quý 1 lần theo quy định, khi xét thấy cần thiết HĐQT triệu tập các cuộc họp đột xuất giải quyết các vấn đề liên quan đến định hướng về quản trị Công ty và các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, đồng thời chỉ đạo quản lý, giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc thực thi Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

4. Công tác quản trị của HĐQT

Trong năm 2016-2020 các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và cho ý kiến đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực của các thành viên HĐQT, đóng góp ý kiến xác thực định hướng các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển của Công ty.

HĐQT đã ban hành các Quy chế đảm bảo công tác quản lý điều hành ổn định hiệu quả: Quy chế làm việc, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế quản lý tài chính, Quy chế khen thưởng kỷ luật, Quy chế tiền lương... thực hiện quyền quản lý điều hành trên cơ sở

định hướng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

HĐQT cũng thường xuyên giám sát, nắm bắt tình hình và giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc phát sinh trong quá trình quản trị điều hành đã có những quyết sách, giải pháp kịp thời, hiệu quả ngăn ngừa các rủi ro tiềm ẩn.

5. Công tác giám sát đối với Ban điều hành

HĐQT thường xuyên giám sát công tác điều hành hoạt động của Ban Tổng Giám đốc về việc thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

Nhiệm kỳ qua HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực của Ban tổng Giám đốc luôn hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch của ĐHĐCĐ đề ra, thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

Tại các phiên họp định kỳ hàng quý của HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty báo cáo minh bạch về tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh để được thông qua, các vấn đề phát sinh theo yêu cầu trong điều hành thuộc thẩm quyền của HĐQT. Tổng Giám đốc luôn hoàn thành được vai trò người đại diện pháp luật trong việc công bố thông tin theo quy định pháp luật, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ Công ty.

Trong điều hành Ban Tổng giám đốc luôn phối hợp chặt chẽ với HĐQT, triển khai chỉ đạo kịp thời các chủ trương của HĐQT có hiệu quả, thông tin, báo cáo đúng chế độ quy định, xây dựng hoàn thiện các Nội quy, Quy chế, Quy định về quản lý nên các mặt hoạt động của công ty đi vào nề nếp ổn định.

Quan tâm ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong quản lý: lắp đặt đồng hồ thông minh có thiết bị đọc được từ xa giám được nhân công lao động đến từng hộ khách hàng để ghi chỉ số; Triển khai sử dụng phần mềm quản lý tài sản (GIS) để quản lý mạng lưới cấp nước đạt hiệu quả; Lắp đặt các Sensor giám sát áp lực nước từ xa điều tiết chế độ chạy bơm của các nhà máy nhằm điều chỉnh áp lực kịp thời; Thực hiện giám sát chất lượng online nước đầu vào và đầu ra theo nhu cầu sử dụng của khách hàng; Mở thêm nhiều kênh thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt tạo thuận lợi cho khách hàng cũng như tăng tỷ lệ thực thu, giảm rủi ro cho công tác thu tiền của đơn vị đồng thời góp phần giảm lao động nâng cao năng suất. Từ việc mạnh dạn ứng dụng công nghệ trong quản lý góp phần tiết kiệm được chi phí, nâng cao hiệu quả quản lý Công ty.

Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, tiền lương năm sau luôn cao hơn năm trước, các chế độ phúc lợi của người lao động được cải thiện và nâng cao qua từng năm.

Bên cạnh đó Ban Kiểm soát cũng thực hiện đầy đủ vai trò kiểm tra tính hợp pháp, trung thực của Ban Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty. Thẩm định tính chính xác, đầy đủ của các báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh và các báo cáo khác của Công ty.

6. Thù lao, chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị

Thù lao và các chi phí hoạt động của HĐQT thực hiện theo quy định Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động thương binh và xã hội được ĐHĐCĐ thường niên thông qua, cụ thể như sau:

DVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Ngày bổ nhiệm	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
I	Thù lao HĐQT		132,48	162,15	214,05	245,11	262,51
1	Trần Văn Sỹ	19/12/2015	72,00	88,13	116,33	80,22	
2	Quốc Hồ Đình Tuấn	19/09/2019				40,11	34,70
3	Đặng Minh Thừa	28/04/2020					69,41
4	Võ Minh Trang	19/12/2015	60,48	74,02	97,72	93,59	79,20
5	Lê Văn Huy	19/09/2019				31,19	79,20
II	Tiền lương TGD và NQL khác (TV HĐQT, TV BKS, TGD, Phó TGD, KTT)		1.540,80	1.885,94	2.133,68	1.960,88	1.960,88
	Trong đó: Tổng giám đốc	19/12/2015	345,60	396,58	518,40	518,40	518,40
III	Thù lao BKS	19/12/2015	90,72	111,04	146,57	147,07	108,00

III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020

1. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2019	Năm 2020		So sánh (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện	TH20/TH19	TH/KH 2020
	1	2	3	4	5	6=(5/3)	7=(5/4)
Chỉ tiêu sản xuất							
1	Nước khai thác	m ³	8.033.863	8.200.000	8.402.700	104	102
2	Nước tiêu thụ	m ³	7.268.097	7.400.000	7.584.618	104	102
Chỉ tiêu kinh doanh							
1	Tổng doanh thu	Trđ	62.920,69	58.900,00	62.915,69	100	107
2	Tổng chi phí	Trđ	51.938,06	49.588,00	52.636,61	101	106
3	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	10.982,62	9.312,00	10.279,08	94	110
4	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	8.749,39	7.449,60	8.814,43	101	118
5	Đầu tư XDCB	Trđ	11.740,00	37.986,00	10.260,00	87	27
Chỉ tiêu khác							
1	Tổng số đầu nổi	KH	29.384	30.764	30.570	104	99
2	Thất thoát nước	%	9,53	<10	9.73	102	97
3	ĐNTT BQ 1m ³	kw	0,38	0,38	0,38	100	100

Năm 2020 mặc dù đại dịch COVID -19 gây ảnh hưởng không nhỏ tới nền kinh tế nước ta nói chung và tỉnh Bạc Liêu nói riêng, nhưng với sự đoàn kết, quyết tâm của tập thể Công ty đã thực hiện hoàn thành nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đề ra, trong đó, nhiều chỉ tiêu tăng trưởng khá, nhất là lợi nhuận trước thuế thực hiện đạt 10.279 triệu đồng tăng 110% so với kế hoạch.

Thực hiện theo Quyết định 192/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của UBND tỉnh, đến nay Công ty đã cấp nước cho 30.570 hộ khách hàng trên địa bàn nội ô thành phố, ước tỷ lệ cấp nước sạch đạt hơn 96%, hướng đến đạt 100% vào năm 2022 (*sớm hơn 3 năm so với mục tiêu chung của tỉnh*); Tiêu chuẩn cấp nước bình quân đạt gần 120 lít/người/ngày đêm; Thực hiện cấp nước an toàn, chất lượng nước đạt quy chuẩn của Bộ Y tế, áp lực nước trên toàn mạng được duy trì đảm bảo nhu cầu sử dụng của khách hàng và được cung cấp liên tục 24/24 giờ; tỷ lệ thất thoát nước được duy trì ở mức thấp 9,73% năm.

2. Công tác quản trị của Hội đồng quản trị

Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

ĐHQT đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các nhiệm vụ trung thực, cẩn trọng, phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty. Giám sát chặt chẽ các hoạt động của công ty, giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban điều hành định hướng chỉ đạo các hoạt động của công ty có hiệu quả, quan tâm ứng dụng khoa học tiên bộ trong quản lý nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí.

Tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên thị trường chứng khoán và công tác báo cáo giám sát của người đại diện vốn nhà nước tại đơn vị kịp thời đúng quy định.

3. Công tác giám sát đối với Ban điều hành

Trong năm 2020, Công ty gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid-19 kéo dài nhưng Tổng Giám đốc đã kịp thời triển khai thực hiện các giải pháp tích cực nhằm hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đề ra đồng thời đáp ứng được nhu cầu nước sạch của người dân trên địa bàn quản lý,

Tổng Giám đốc đã có những điều chỉnh, thay đổi kịp thời trong công tác tổ chức, cải tiến quy trình làm việc để hoàn thiện bộ máy sản xuất kinh doanh và quản lý công ty hiệu quả hơn. Chấp hành đầy đủ chủ trương, chính sách và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị. Chỉ đạo các phòng ban chức năng thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đạt kết quả tốt.

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc có trình độ, am hiểu nghiệp vụ chuyên môn, có tâm huyết, dám nghĩ dám làm và tạo được mối quan hệ tốt với nội bộ, nhất là sự đoàn kết trong lãnh đạo chủ chốt của đơn vị.

Duy trì chế độ họp giao ban định kỳ nghiêm túc và hiệu quả, thể hiện được vai trò thống nhất lãnh đạo trong Ban điều hành.

Hội đồng quản trị đánh giá cao vai trò của Tổng Giám đốc trong công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh năm 2020 kết quả hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ đề ra.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2021-2025

Dự báo tình hình những năm tới sẽ còn nhiều khó khăn, tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm đáng kể do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp khó lường,...ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất kinh doanh. Năm 2021 các chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận giảm so với thực hiện năm trước, do Công ty thực hiện chủ trương của Chính phủ hỗ trợ giảm tiền sử dụng nước cho người dân chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 đồng thời giá thành nước sạch chưa được điều chỉnh phù hợp với chi phí sản xuất thực tế hiện nay.

Trên cơ sở các mục tiêu, nhiệm vụ đạt được trong năm 2020 và dự báo tình hình khó khăn trong những năm tới, HĐQT xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh như sau:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2021 -2025

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Định hướng nhiệm kỳ 2021-2025				
			2021	2022	2023	2024	2025
1	SL nước tiêu thụ	M ³	7.700.000	7.854.000	8.011.080	8.171.302	8.334.728
2	Tỷ lệ thất thoát	%	<10				
3	Tổng doanh thu	Trđ	60.574	61.669	62.594	63.533	64.486
4	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	9.150	9.867	10.015	10.165	10.317
5	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	7.320	7.893	8.012	8.132	8.254
6	LNST chia cổ tức	Trđ	5.124	5.525	5.768	6.017	6.273
7	Tỷ lệ cổ tức/LNST	%	70,00	70,00	72,00	74,00	76,00
8	Tỷ suất cổ tức/vốn CP	%	4,59	4.95	5.16	5,39	5,62

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	So sánh (%)
	1	2	3	4	5
1	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	7.584.618	7.700.000	102
2	Tỷ lệ thất thoát	%	9,73	9.73	100
1	Tổng doanh thu	Trđ	62.915,69	60.574,00	96
3	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	10.279,08	9.150,00	89
4	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	8.814,43	7.320,00	83
5	Đầu tư XDCB (kèm danh mục 2021)	Trđ	10.260,00	8.404,00	82

3. Mục tiêu nhiệm vụ:

- Bảo toàn vốn, tối đa hóa lợi nhuận, duy trì, giữ vững phát huy các thành quả đã đạt được;

- Đảm bảo chất lượng, áp lực, cung cấp nước liên tục 24/24 giờ thực hiện cấp nước an toàn cho khách hàng sử dụng, đồng thời mở rộng hệ thống cung cấp nước cho khách hàng còn lại trong khu vực hướng đến 100% người dân thành phố Bạc Liêu được sử dụng nước sạch, tăng thêm tỷ lệ bao phủ hệ thống cấp nước trên địa bàn thành phố theo Quyết định 192/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của UBND tỉnh Bạc Liêu, hạn chế khai thác bừa bãi gây ô nhiễm nguồn tài nguyên nước;

- Tập trung nguồn vốn xây dựng nhà máy cấp nước KCN Trà Kha để bổ sung nguồn nước bị thiếu hụt, cải thiện áp lực nước một số khu vực chưa đạt yêu cầu. Song song thực hiện việc đảm bảo chất lượng nước theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế;

- Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ gia tăng sản lượng, nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng địa bàn kinh doanh của công ty;

- Đảm bảo thu nhập, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động;

- Đảm bảo quyền lợi tối đa cho nhà nước, cổ đông và Công ty.

3. Giải pháp thực hiện:

Hội đồng quản trị công ty tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị Công ty, theo định hướng các mục tiêu kế hoạch đề ra, duy trì ổn định và phát triển bền vững theo các giải pháp sau:

- Tập trung tích lũy nguồn vốn để có đủ tiềm lực về tài chính, đủ sức thực hiện các dự án đầu tư mở rộng, cải tạo mạng lưới cấp nước nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng cao của người dân thành phố;

- Tối đa hiệu quả sử dụng vốn bằng các biện pháp như đầu tư từng giai đoạn theo nhu cầu thị trường, phát huy tối đa công suất của các công trình đã đầu tư;

- Bảo toàn, phát triển nguồn vốn chủ sở hữu; Triển khai thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu kế hoạch tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên;

- Tăng cường phối hợp trong quá trình hoạt động của Ban kiểm soát để phát hiện sớm các bất cập, có biện pháp phòng ngừa và xử lý kịp thời, hạn chế rủi ro trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là hoạt động tài chính;

- Kiện toàn bộ máy quản lý Công ty, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, đáp ứng các tiêu chí của Công ty đại chúng;

- Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Công ty;

- Chú trọng nâng cao năng suất lao động, đào tạo lực lượng lao động tâm huyết, giỏi chuyên môn; nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, sản xuất kinh doanh để tiết kiệm chi phí, phục vụ yêu cầu chất lượng dịch vụ khách hàng nói riêng và công tác quản lý nói chung;

- Chỉ đạo hoàn thiện tái cơ cấu toàn diện công ty với phương châm tinh gọn về tổ chức bộ máy nhân sự, hiệu quả trong điều hành tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm sản xuất và kinh doanh nước sạch đồng thời mở rộng đầu tư hoặc hợp tác ở những lĩnh vực có tiềm năng mà pháp luật cho phép;

- Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động công bố thông tin của đơn vị nhằm công khai minh bạch tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác quản trị của công ty đến tất cả các cổ đông để cùng kiểm tra, giám sát;

- Thực hiện chức năng quản trị hoạt động công ty theo đúng phạm vi quyền hạn nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

Trên đây là Báo cáo của Hội đồng quản trị, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đặng Minh Thừa



PHỤ LỤC I

CÁC NGHỊ QUYẾT VÀ QUYẾT ĐỊNH

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
I	Nghị quyết Hội đồng quản trị		
	Năm 2017		
1	01/NQ-HĐQT	16/05/2017	<p>1. Kết quả sản xuất kinh doanh quý I năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II năm 2017.</p> <p>2. Kế hoạch Quỹ tiền lương, tiền thưởng người lao động năm 2017.</p> <p>3. Kế hoạch Quỹ tiền lương, tiền thưởng, thù lao người quản lý, thư ký Hội đồng quản trị năm 2017.</p> <p>4. Phương án kinh doanh nước uống đóng chai: Phương án cụ thể Công ty gửi xin ý kiến đóng góp của các Thành viên Hội đồng quản trị, sau đó tổng hợp ý kiến lại, điều chỉnh hợp lý (nếu có) và tiến hành thực hiện;</p> <p>- Trong thời gian đóng góp ý kiến, giao đồng chí Tổng Giám đốc triển khai thực hiện các bước chuẩn bị của phướng án nfy (xây dựng nhà kho, mặt bằng, nhân sự, ...).</p> <p>5. Phương án điều chỉnh giá nước sạch.</p> <p>6. Phương án thoái vốn nhà nước.</p>
2	02/NQ-HĐQT	06/06/2017	<p>1. Giao Tổng Giám đốc tiến hành kiểm tra, rà soát lại, nếu không khắc phục được thì tiến hành thanh lý tài sản phưng tiện vận tải truyền dẫn công trình: Mở rộng hệ thống cấp nước nội ô thành phố Bạc Liêu; hạng mục "Lắp đặt ống HDPE D225mm cấp nước qua sông khu dân cư Trà Kha B" như đề xuất tại Biên bản số 29/BB-CTY ngày 17/05/2017 của Công ty;</p> <p>- Thanh lý tài sản máy móc, thiết bị guồng bơm Franklin, Model 190ST37D8B-37KW, SN:12E19-09-0509P, công suất 215 m3/h; bộ hiển thị đồng hồ Simens MAG 5000 như đề xuất tại Biên bản số 30/BB-CTY ngày 23/05/2017 của Công ty.</p> <p>2. Phương án kinh doanh nước uống đóng chai: giao Tổng Giám đốc triển khai thực hiện.</p> <p>3. Phương án thoái vốn nhà nước.</p>

			<p>4. Giao Tổng Giám đốc tiến hành chủ trương xây dựng căn tin Công ty, trình tự thủ tục theo đúng quy định.</p> <p>5. Dự thảo Quy chế trả lương, thù lao, trả thưởng người quản lý Công ty.</p>
3	03/NQ-HĐQT	26/6/2017	<p>1. Quỹ tiền lương, tiền thưởng kế hoạch của người lao động và Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch của người quản lý, thù lao thư ký Hội đồng quản trị năm 2017.</p> <p>2. Quy chế trả lương, thù lao, trả thưởng người quản lý Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.</p>
4	04/NQ-HĐQT	11/08/2017	<p>1. Kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017.</p> <p>2. Kết quả thanh tra thuế năm 2016: Công ty tham khảo Thông tỵ số 61/2016/TT-BTC ngày 11/4/2016 của Bộ Tài chính để giải trình phần chậm nộp. Báo cáo chủ sở hữu và xin ý kiến đề trích lập các quỹ từ phần tăng thêm của lợi nhuận sau thuế.</p> <p>3. Nhượng xe tải tự đồ ISUZU 94L 6419, trang bị xe tải phù hợp với chức năng vận chuyển nước uống đóng chai và một số nội dung khác.</p>
5	05/NQ-HĐQT	05/10/2017	<p>1. Phương án điều chỉnh giá tiêu thụ nước sạch tại thành phố Bạc Liêu.</p> <p>2. Khởi kiện Công ty Vinh Phát làm bể ống D160 đi ngầm qua kênh 30/4, khóm bờ Tây, phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu: Công ty tiếp tục khởi kiện.</p> <p>3. Phát hành và sử dụng hóa đơn điện tử bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ tại Công ty thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc.</p>
6	06/NQ-HĐQT	24/10/2017	Thực hiện chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017.
Năm 2018			
1	01/NQ-HĐQT	26/01/2018	<p>1. Thống nhất Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.</p> <p>2. Quỹ khen thưởng người quản lý năm 2017 chia đều cho 08 người quản lý Công ty.</p> <p>3. Thống nhất Quỹ tiền lương, tiền thưởng thực hiện của người lao động và Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện của người quản lý và thù lao thư ký HĐQT công ty năm 2017.</p> <p>4. Thống nhất Quỹ tiền lương, tiền thưởng kế</p>

			<p>hoạch của người lao động và Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch của người quản lý và thù lao thư ký HĐQT công ty năm 2018.</p> <p>5. Kiểm tra, rà soát lại những nội dung tại quy chế làm việc của Công ty đảm bảo phù hợp với Điều lệ Công ty, sau đó trình Hội đồng quản trị ký ban hành.</p>
2	02/NQ-HĐQT	06/4/2018	<p>1. Thực hiện đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu trên thị trường giao dịch chứng khoán của Công ty đại chúng chưa niêm yết (<i>thị trường UPCOM</i>).</p> <p>2. Chốt danh sách cổ đông để làm thủ tục đăng ký lưu ký cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và thực hiện đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (<i>sàn UPCOM</i>), ngày chốt danh sách cổ đông để đăng ký cổ phiếu: 03/5/2018.</p> <p>3. Mã cổ phiếu là: BLW.</p>
3	03/NQ-HĐQT	03/5/2018	<p>Báo cáo số 28/BC-CTY ngày 20/4/2018 của Công ty về kết quả Sản xuất kinh doanh quý I và Kế hoạch Sản xuất kinh doanh quý II năm 2018.</p>
4	04/NQ-HĐQT	10/8/2018	<p>1. Kết quả sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2018 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.</p> <p>2. Công ty không xây dựng Kế hoạch trung và dài hạn của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.</p> <p>3. Ngừng đầu tư Trạm cấp nước tại xã Hiệp Thành và hạch toán các chi phí đã thực hiện cho đầu tư trạm cấp nước vào chi phí thường xuyên của công ty theo đúng quy định pháp luật hiện hành.</p> <p>4. Thanh lý giám trụ nước nước uống tại vòi trước cổng bệnh viện Bạc Liêu- Nguyễn Huệ.</p> <p>5. Không trích khấu hao Đài nước số 2 và các hạng mục phụ trợ của đài nước, thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.</p> <p>6. Điều chỉnh bổ sung kế hoạch công tác xây dựng cơ bản năm 2018.</p> <p>7. Thống nhất nội dung quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.</p> <p>8. Một số nội dung khác:</p> <p>8.1. Thực hiện trích dự phòng nợ phải thu khó đòi nợ (<i>nợ tiền nước và các nợ khác</i>) theo đúng quy định, trích dự phòng trong năm 2018.</p> <p>8.2. Tình hình thoái vốn: Công ty nghiên cứu và thực hiện theo thông tư hướng dẫn.</p>

5	05/NQ-HĐQT	23/8/2018	Đề xuất đăng ký giá tham chiếu của ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu BLW đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCOM của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là 12.000 đồng/cổ phiếu bằng giá bán khởi điểm thực hiện thoái vốn nhà nước tại Công ty năm 2017.
6	06/NQ-HĐQT	11/9/2018	Chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018.
7	07/NQ-HĐQT	23/10/2018	<ol style="list-style-type: none"> 1. Báo cáo số 64/BC-CTY ngày 16/10/2018 của Công ty về việc sơ kết kết quả sản xuất kinh doanh quý III và kế hoạch quý IV năm 2018; 2. Lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời tại nhà máy nước số 2 với công suất 30KW/h; 3. Lắp đặt Phần mềm quản lý tài sản GIS; 4. Xây dựng trạm cấp nước khu công nghiệp Trà Kha với công suất 4.000 m³/ ngày đêm theo Hợp đồng xây dựng – kinh doanh – Chuyển giao (gọi tắt là BOT); 5. Bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Tuấn (1978) chức danh Phó Giám đốc xí nghiệp sản xuất nước sạch.
8	08/NQ-HĐQT	09/11/2018	Thanh lý 127 loại vật tư không có nhu cầu sử dụng.
Năm 2019			
1	01/NQ-HĐQT	23/01/2019	<ol style="list-style-type: none"> 1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 2019. 2. Thống nhất kết quả xếp loại khen thưởng người quản lý năm 2018 của Hội đồng thi đua, khen thưởng người quản lý Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu. Mức chi trả khen thưởng người quản lý năm 2018 thực hiện theo quy chế trả lương, thù lao, trả thưởng cho người quản lý Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu ban hành kèm theo Quyết định số 08/QĐ-HĐQT ngày 10/7/2017 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu. 3. Quỹ tiền lương, tiền thưởng thực hiện của người lao động và Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện của người quản lý và thù lao thư ký HĐQT công ty năm 2018. 4. Quỹ tiền lương, tiền thưởng kế hoạch của người lao động và Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch của người quản lý và thù lao

			<p>thư ký HĐQT công ty năm 2019.</p> <p>5. Dự thảo Quy chế nội bộ quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.</p>
2	02/NQ-HĐQT	13/4/2019	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý I năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch quý II năm 2019.
3	03/NQ-HĐQT	24/4/2019	Hủy ngày đăng ký chốt danh sách người sở hữu chứng khoán tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu để tham dự theo Thông báo số 09/TB-CTY ngày 13/02/2019 và hủy danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán BLW của VSD số 184/2019/BLW/VSD-ĐK ngày 12/3/2019.
4	04/NQ-HĐQT	07/6/2019	Chi tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2018.
5	05/NQ-HĐQT	02/8/2019	Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch quý III năm 2019.
6	06/NQ-HĐQT	25/9/2019	Chi trả cổ tức còn lại năm 2018 (lần 03) cho cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (BLW)
7	07/NQ-HĐQT	06/11/2019	<ol style="list-style-type: none"> 1. Báo cáo về kết quả sản xuất kinh doanh 09 tháng đầu năm 2019; kế hoạch sản xuất kinh doanh quý IV và ước thực hiện cả năm 2019. 2. Báo cáo của Ban Điều hành về kết quả rà soát tổng hợp về hệ thống các quy chế, quy định nội bộ quản trị, điều hành hoạt động của Công ty. 3. Phân công công việc của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2020. 4. Chọn Công ty TNHH Kiểm toán VACO thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.
Năm 2020			
	01/NQ-HĐQT	05/03/2020	<ol style="list-style-type: none"> 1. Quỹ tiền lương thực hiện năm 2019 2. Quỹ thù lao thực hiện người quản lý không chuyên trách và thù lao thư ký HĐQT năm 2019 là: 428.175.820 đồng. 3. Mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động và quỹ thưởng người quản lý, thù lao HĐQT, BKS và thù lao thư ký HĐQT Công ty năm 2019 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 xem xét, thông qua.
	02/NQ-HĐQT	17/4/2020	1. Báo cáo của Ban điều hành Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch sản

			<p>xuất kinh doanh năm 2020;</p> <p>2. Tờ trình của Ban điều hành Công ty thông qua Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2019;</p> <p>3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2019 và phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020;</p> <p>4. Tờ trình trích lập các quỹ và mức chia cổ tức năm 2019;</p> <p>5. Tờ trình tiền lương, thù lao của người quản lý và thư ký năm 2019 và Kế hoạch tiền lương, thù lao của người quản lý và thư ký năm 2020;</p> <p>6. Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu;</p> <p>7. Tờ trình về việc miễn nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.</p> <p>8. Thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2020 của Công ty tổ chức 01 buổi vào chiều ngày 28/4/2020 tại Trụ sở Công ty. Giao Ban điều hành thực hiện việc tổ chức ĐHĐCĐ của công ty đảm bảo an toàn, tuân thủ đúng Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Bạc Liêu về công tác phòng, chống dịch Covid-19 và quy định của pháp luật.</p>
	03/NQ-HĐQT	28/4/2020	<p>Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu nhất trí bầu Ông Đặng Minh Thừa CMND số 024867728 do Công an TP.HCM cấp ngày 12/6/2013 giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu, nhiệm kỳ 2015-2020.</p>
	04/NQ-HĐQT	22/05/2020	<p>1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 1 năm 2020 và kế hoạch kinh doanh quý 2 năm 2020 của Công ty.</p> <p>2. Chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Thành phố Hồ Chí Minh (AISC) thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.</p> <p>3. Chi trả cổ tức năm 2019.</p>
	05/NQ-HĐQT	22/7/2020	<p>1. Quy chế quản lý tài chính Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.</p> <p>2. Ghi nhận báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý 2/2020, 06 tháng đầu năm 2020 và triển khai kế hoạch hoạt động sản xuất kinh</p>



			doanh quý 3/2020 của Công ty.
	06/NQ-HĐQT	22/10/2020	<p>1. Ghi nhận báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý 3, lũy kế 09 tháng năm 2020 và triển khai kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh quý 4 năm 2020 của Công ty.</p> <p>2. Cơ cấu Ban điều hành của Công ty gồm 01 Tổng Giám đốc, 02 Phó Tổng Giám đốc và 01 Kế toán trưởng.</p> <p>3. Bổ nhiệm lại ông Võ Minh Trang làm Tổng Giám đốc, nhiệm kỳ 05 năm kể từ ngày 24/12/2020.</p> <p>4. Chưa xem xét bổ nhiệm lại Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng vào thời điểm hiện nay.</p> <p>5. Tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban Kiểm soát hiện có (02 thành viên) và sẽ bổ sung 01 thành viên Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.</p>
II	Quyết định Hội đồng quản trị		
	Năm 2016		
1	08/QĐ-HĐQT	27/6/2016	Về việc ban hành Quy trình hướng dẫn cổ đông của Công ty cổ phần Cấp nước Bạc Liêu
2	268/QĐ-HĐQT	09/8/2016	Về việc thành lập Hội đồng thanh lý xe ô tô 16 chỗ
3	460/QĐ-HĐQT	29/12/2016	Về việc phê duyệt Quỹ tiền lương, tiền thưởng kế hoạch của người lao động; Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch của người quản lý và Thù lao thư ký Hội đồng quản trị Công ty năm 2016.
	Năm 2017		
1	01/QĐ-HĐQT	17/1/2017	Về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2016
2	02/QĐ-HĐQT	23/01/2017	Về việc phê duyệt Quỹ tiền lương, tiền thưởng thực hiện của người lao động; Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện của người quản lý và Thù lao thư ký Hội đồng quản trị Công ty năm 2016.
3	03A/QĐ-HĐQT	28/4/2017	Về việc thành lập Hội đồng thanh lý đường ống cấp nước HDPE D225mm qua sông Bạc Liêu, khu dân cư Trà Kha B.
4	04/QĐ-HĐQT	03/5/2017	Về việc chi trả cổ tức năm 2016 của Công ty cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.
5	04A/QĐ-HĐQT	28/4/2017	Về việc ban hành Kế hoạch sản xuất kinh doanh

			năm 2017
6	05/QĐ-HĐQT	18/5/2017	Về việc thành lập Hội đồng thanh lý guồng bơm Franklin và bộ hiển thị đồng hồ Siemens MAG 5000.
7	06/QĐ-HĐQT	28/6/2017	Về việc thanh lý tài sản phương tiện vận tải truyền dẫn.
8	07/QĐ-HĐQT	28/6/2017	Về việc thanh lý tài sản thiết bị máy móc.
9	08/QĐ-HĐQT	10/7/2017	Về việc ban hành Quy chế trả lương, thù lao, trả thưởng người quản lý Công ty.
10	09/QĐ-HĐQT	10/7/2017	Về việc phê duyệt Quỹ tiền lương, tiền thưởng kế hoạch của người lao động; Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch của người quản lý và Thù lao thư ký Hội đồng quản trị Công ty năm 2017.
11	10/QĐ-HĐQT	18/8/2017	Về việc thành lập Hội đồng nhượng bán xe ben tải tự đổ ISUZU 94M-000.28
12	11/QĐ-HĐQT	22/9/2017	Về việc thanh lý tài sản phương tiện vận tải truyền dẫn.
13	12/QĐ-HĐQT	06/10/2017	Về việc cử Tổng Giám đốc đi công tác tại Châu Âu.
14	13/QĐ-HĐQT	09/10/2017	Về việc chi trả bổ sung cổ tức năm 2016 của Công ty.
15	14/QĐ-HĐQT	30/10/2017	Về việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017 của Công ty.
16	15/QĐ-HĐQT	27/11/2017	Về việc thành lập Hội đồng thanh lý tài sản nhà kho để ống nước và nhà kho sau nhà xe bảy căn (4 căn)
17	16/QĐ-HĐQT	15/12/2017	Về việc thanh lý tài sản nhà kho để ống nước và nhà kho sau nhà xe bảy căn (4 căn)
Năm 2018			
1	01/QĐ-HĐQT	28/03/2018	Về việc phê duyệt Quỹ tiền lương, tiền thưởng thực hiện của người lao động; Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện của người quản lý và Thù lao thư ký Hội đồng quản trị Công ty năm 2017.
2	02/QĐ-HĐQT	30/03/2018	Về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
3	03/QĐ-HĐQT	12/4/2018	Về việc Ban hành Quy chế làm việc Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.
4	04/QĐ-HĐQT	20/4/2018	Về việc chi trả cổ tức năm 2017 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.
5	05/QĐ-HĐQT	24/4/2018	Về việc ban hành Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

6	06/QĐ-HĐQT	26/4/2018	Về việc phê duyệt Quỹ tiền lương, tiền thưởng kế hoạch của người lao động; Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch của người quản lý và Thù lao thư ký Hội đồng quản trị Công ty năm 2018.
7	07/QĐ-HĐQT	14/8/2018	Về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.
8	08/QĐ-HĐQT	14/8/2018	Về việc thành lập Hội đồng thanh lý tài sản trụ nước uống tại vôi trước công bệnh viện Bạc Liêu, đường Nguyễn Huệ.
9	09/QĐ-HĐQT	17/8/2018	Về việc thanh lý giảm tài sản trụ nước uống tại vôi trước công bệnh viện Bạc Liêu, đường Nguyễn Huệ.
10	10/QĐ-HĐQT	10/9/2018	Về việc thành lập Hội đồng thanh lý tài sản khởi động mềm MCD 3045-45KW danfos.
11	11/QĐ-HĐQT	10/9/2018	Về việc thanh lý giảm tài sản khởi động mềm MCD 3045-45KW danfos.
12	12/QĐ-HĐQT	28/9/2018	Về việc trích lập quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi tiền nước.
13	13/QĐ-HĐQT	16/11/2018	Về việc trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thanh lý vật tư không có nhu cầu sử dụng.
14	14/QĐ-HĐQT	27/12/2018	Về việc trích lập quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi khoản ứng trước cho nhà cung cấp.
Năm 2019			
1	01/QĐ-HĐQT	02/01/2019	Về việc điều chỉnh Qui chế quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.
2	02/QĐ-HĐQT	08/01/2019	Về việc công nhận thành tích trong quản lý, điều hành của Tổng Giám đốc năm 2018.
3	03/QĐ-HĐQT	13/3/2019	Về việc trích lập quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi.
4	04/QĐ-HĐQT	23/5/2019	Về việc thành lập Hội đồng thanh lý tài sản.
5	05/QĐ-HĐQT	28/5/2019	Về việc thanh lý giảm tài sản của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.
6	06/QĐ-HĐQT	09/9/2019	Về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

7	07/QĐ-HĐQT	20/9/2019	Về việc ban hành Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của người lao động, người quản lý, thù lao thư ký Hội đồng quản trị năm 2019.
8	08/QĐ-HĐQT	20/9/2019	Về việc ban hành Quy chế nội bộ quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.
Năm 2020			
1	01/QĐ-HĐQT	05/3/2020	Về việc phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động, người quản lý năm 2019.
2	02/QĐ-HĐQT	17/4/2020	Về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
3	03/QĐ-HĐQT	28/4/2020	Về việc ban hành Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động, người quản lý, thư ký năm 2020.
4	04/QĐ-HĐQT	22/7/2020	Về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính Công ty.
5	05/QĐ-HĐQT	04/12/2020	Về việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty.

PHỤ LỤC II QUY CHẾ ĐƯỢC BAN HÀNH



Số thứ tự	Ngày	Tên quy chế
1	04/02/2016	Quy chế quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ.
2	10/7/2017	Quy chế trả lương, thù lao, trả thưởng người quản lý Công ty.
3	12/4/2018	Quy chế làm việc của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.
4	14/8/2018	Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.
5	20/9/2019	Quy chế nội bộ quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.
6	22/7/2020	Quy chế quản lý tài chính Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
BAN KIỂM SOÁT**

Số: 08./BC-BKS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bạc Liêu, ngày 25 tháng 10 năm 2021.

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2020 VÀ TỔNG KẾT NHIỆM KỲ
2015 - 2020 CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (gọi tắt là Công ty) đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 19/12/2015 và sửa đổi bổ sung lần 1 ngày 19/9/2019;

Nay Ban Kiểm soát báo cáo về tình hình hoạt động năm 2020 và Tổng kết nhiệm kỳ 2015 - 2020 của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu, với các nội dung cụ thể như sau:

**A. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG
NĂM 2021 CỦA BAN KIỂM SOÁT:**

**I. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020:**

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu đã được Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán;

Căn cứ kết quả kiểm soát tình hình hoạt động năm 2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu, Ban Kiểm soát thống nhất thông qua báo cáo hoạt động trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tình hình hoạt động và đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2020:

Giám sát công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban tổng Giám đốc Công ty;

Giám sát về chính sách người lao động; tổ chức, bộ máy hoạt động của Công ty;

Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị;

Giám sát về lập Báo cáo tài chính năm 2020;



Để thực hiện được kết quả giám sát nêu trên, thì ngay sau khi đi vào hoạt động, Ban Kiểm soát đã tiến hành xây dựng và thực hiện đảm bảo theo quy chế hoạt động đối với năm 2020, Ban Kiểm soát phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên như sau:

Định kỳ hàng quý, Ban Kiểm soát xây dựng chương trình và kế hoạch giám sát cụ thể của quý. Đồng thời, trên cơ sở phát sinh các nội dung, thư mời tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty, Ban Kiểm soát bàn bạc, trao đổi để đưa ra ý kiến thống nhất cho Đại diện Ban kiểm soát tham gia ý kiến tại cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty. Trong năm 2020 đã lập 01 báo cáo liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty cổ phần Cấp nước Bạc Liêu trong năm 2019 và 03 báo cáo chuyên đề quý; tổ chức 04 cuộc họp (đính kèm Phụ lục 01).

Về trình tự, thủ tục, nội dung các cuộc họp của Ban Kiểm soát, cơ bản đảm bảo theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Bên cạnh đó, hiện tại chỉ có Trưởng Ban kiểm soát hoạt động chuyên trách, 02 thành viên còn lại làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Do đó, ngoài các buổi họp và làm việc trực tiếp, để đạt được hiệu quả, chất lượng và hoàn thành nhiệm vụ, Ban Kiểm soát thường xuyên liên lạc, trao đổi thông tin, tài liệu và công việc qua các phương tiện khác như: Mail, điện thoại nhằm đảm bảo hoạt động của Ban Kiểm soát được thực hiện kịp thời về thời gian theo yêu cầu của Công ty.

Tóm lại, trong năm 2020 Ban Kiểm soát đã tổ chức hoạt động về cơ bản đảm bảo đầy đủ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Đạt được kết quả hoạt động kiểm soát nêu trên, Ban Kiểm soát đã nhận được sự phối hợp, hỗ trợ của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cũng như các Phòng, Xí nghiệp trực thuộc Công ty để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông thường niên giao.

2. Đánh giá hoạt động của từng thành viên Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (từ giữa Hội nghị thường niên năm 2019 đến Hội nghị thường niên 2020) có 03 thành viên, bao gồm 01 Trưởng Ban làm việc chuyên trách và 02 thành viên không chuyên trách. Trong năm 2020, Ban Kiểm soát hoạt động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên như sau:

- Bà Quách Thụy Phương Thảo - Trưởng Ban Kiểm soát:

+ ~~Nhiệm vụ được phân công~~: Phụ trách chung, trực tiếp phụ trách chỉ đạo chung toàn bộ hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty và pháp luật hiện hành. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ được giao; Tham gia dự họp và góp ý kiến tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cuộc họp khác do Tổng Giám đốc chủ trì; Quyết định nội dung các báo cáo của Ban Kiểm soát.

+ Đánh giá hoạt động năm 2020: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Bà Lý Hồng Yến - Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách:

+ Nhiệm vụ được phân công: Giám sát hoạt động quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc; sự tuân thủ Điều lệ, các Quy chế và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty.

+ Đánh giá hoạt động năm 2020: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Ông Phan Chí Quang - Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách:

+ Nhiệm vụ được phân công: Trực tiếp thực hiện kiểm soát và chịu trách nhiệm chính các vấn đề về thẩm định: Báo cáo tài chính (quý, năm), báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo quản trị, quỹ lương kế hoạch và quỹ lương thực hiện hàng năm của Công ty; đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập.

+ Đánh giá hoạt động năm 2020: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Kết quả giám sát năm 2020 trên các lĩnh vực cụ thể như sau:

Trên cơ sở các lĩnh vực mà Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm soát ở Công ty năm 2020 như nêu trên, thì kết quả như sau:

3.1. Kết quả giám sát công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc:

Kiểm soát đánh giá công tác hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong năm 2020, Ban Kiểm soát có ý kiến như sau:

Trong năm 2020, qua quá trình thực hiện giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát chưa thấy có dấu hiệu bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc. Cụ thể như sau:

a) Đối với Hội đồng quản trị: Thực hiện đúng Điều lệ của công ty; tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ hàng quý. Trong các kỳ họp Hội đồng quản trị, các thành viên tham dự đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm để đưa ra các quyết định kịp thời nhằm định hướng, chỉ đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng tinh thần Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thông qua các cuộc họp Hội đồng quản trị hàng tháng và có yêu cầu đột xuất, Hội đồng quản trị đã tiến hành tổ chức cuộc họp gấp để kịp thời giải quyết các khó khăn vướng mắc do Tổng Giám đốc đề xuất.

b) Đối với Ban Tổng Giám đốc:

Thực hiện đầy đủ, kịp thời Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quyết định của Hội đồng quản trị. Chủ động lập kế hoạch, quản lý, điều hành, sử dụng vốn, tài sản, lao động, phân công nhiệm vụ trong Ban Tổng Giám đốc để chỉ đạo, điều

hành sản xuất kinh doanh; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước và chế độ chính sách cho người lao động.

Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc có những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và chủ động đề nghị Hội đồng quản trị tiến hành các cuộc họp đột xuất để đưa ra các giải pháp kịp thời, hiệu quả nhằm hoàn thành tốt các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

3.2. Về chính sách người lao động; tổ chức, bộ máy hoạt động của Công ty

Công tác tổ chức: Công ty tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức, nhân sự phù hợp với tình hình mới.

Tiền lương và chế độ đối với người lao động: Thực hiện đầy đủ và kịp thời các chế độ, chính sách đối với người lao động: ký hợp đồng lao động; đóng BHXH, BHYT, BHTN đúng theo quy định; thực hiện cấp phát bảo hộ lao động, bồi dưỡng ca 3, độc hại đầy đủ, đúng đối tượng; duy trì chế độ ăn giữa ca; thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động...

3.3. Tình hình thực hiện Nghị quyết và một số chỉ tiêu được cổ đông biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Ban Kiểm soát thống nhất với Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và Báo cáo tài chính năm 2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Thành phố Hồ Chí Minh (AISC) kiểm toán. Theo đó, qua đối chiếu số liệu thực tế với các chỉ tiêu tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2020, cho thấy:

Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu tại Đại hội	Kết quả thực hiện	So sánh
I. Chỉ tiêu sản xuất				
1. Sản lượng nước khai thác	m ³	8.200.000	8.402.700	102,47%
2. Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	7.400.000	7.584.618	102,49%
II. Chỉ tiêu kinh doanh				
1. Tổng doanh thu	Đồng	58.900.000.000	62.915.696.365	106,82%
2. Lợi nhuận trước thuế	Đồng	9.312.000.000	10.279.084.717	110,39%
3. Lợi nhuận sau thuế	Đồng	7.449.600.000	8.814.426.457	118,32%

Với số liệu thực tế nêu trên, qua kiểm soát, Ban Kiểm soát đánh giá như sau:

a) Về chỉ tiêu sản xuất

Qua nhiều năm Công ty đã rất chú trọng các giải pháp nhằm giảm tỷ lệ thất thoát nước năm 2020 là 9,73% đạt được kế hoạch năm dưới 10%. Trong những năm tới, Công ty cũng cần nghiên cứu cải tạo thay thế đường ống cấp nước nhằm từng bước xây dựng hệ thống cấp nước hoàn chỉnh tiến tới giảm và duy trì ổn định tỷ lệ thất thoát nước.

b) Về chỉ tiêu kinh doanh

Qua kiểm soát, thống nhất với báo cáo của Hội đồng quản trị, theo đó, các chỉ tiêu thực hiện đều đạt và vượt so với kế hoạch; tỷ lệ thất thoát nước sạch thực tế thấp hơn Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đề ra. Cụ thể, doanh thu thực hiện trong năm 2020 vượt kế hoạch 6,82%.

c) Về chỉ tiêu chia cổ tức

Đây là chỉ tiêu rất quan trọng đối với loại hình công ty cổ phần và rất được cổ đông quan tâm. Theo đó, với sự nỗ lực của tập thể Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh như kết quả nêu trên, nên dẫn đến chỉ tiêu chia cổ tức năm 2020 cao hơn so với kế hoạch và năm 2019.

d) Về công tác đầu tư phát triển

Trong năm 2020, Công ty xây dựng kế hoạch thực hiện 12 hạng mục công trình, tổng mức đầu tư là: 38.976 triệu đồng (gồm: 04 công trình được chuyển tiếp từ năm 2019, 08 công trình trong năm 2020). Kế hoạch giá trị đầu tư cải tạo, sửa chữa được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2020 là: 37.986 triệu đồng. Qua kiểm soát, thì Ban kiểm soát cho rằng các công trình đã thực hiện đảm bảo theo quy trình, thủ tục và thời gian đã đề ra. Theo đó, đến ngày 31/12/2020, hoàn thành và đưa vào sử dụng 14 hạng mục công trình, với số tiền đã quyết toán: 10.260,32 triệu đồng (trong đó có: 09 hạng mục công trình của những năm trước năm 2019 quyết toán trong năm 2020 với số tiền quyết toán là: 6.099,36 triệu đồng); còn lại 07 hạng mục công trình đang thi công, thẩm định hồ sơ và tiếp tục thực hiện trong năm 2021.

Với kết quả nêu trên, cho thấy Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ và đảm bảo đúng tinh thần Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã đề ra.

3.4. Về thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020

a) Thẩm định công tác lập Báo cáo tài chính

Báo cáo quyết toán tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Thành phố Hồ Chí Minh (AISC) (là một trong những đơn vị đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 biểu quyết thông qua); Sổ cái và sổ chi tiết doanh thu; biên bản kiểm quỹ tiền mặt; biên bản kiểm kê nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ; biên bản đối chiếu công nợ; các văn bản, chứng từ có liên quan khác...

Trên cơ sở các tài liệu nêu trên, sau khi xem xét kiểm tra, Ban Kiểm soát thống nhất báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, như sau:

- Các chứng từ kế toán được sắp xếp gọn gàng đáp ứng tốt yêu cầu công tác kiểm tra, kiểm soát. Biểu mẫu báo cáo rõ ràng, đúng theo quy định.

- Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.
- Các số liệu báo cáo tài chính năm 2020 phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020.

Báo cáo tài chính năm 2020 đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm 2020, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan.

Do đó, thống nhất thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

b) Về tình hình quản lý tài chính

Công tác quản lý tài chính đã được Công ty thực hiện theo quy định hiện hành và Quy chế tài chính của Công ty; việc quản lý tài sản, tiền vốn; thu chi được thực hiện phù hợp theo thực tế phát sinh tại Công ty. Theo đó:

Đến 31/12/2020 tình hình tài chính của Công ty lành mạnh; nợ phải thu khách hàng phát sinh mới trong thời gian hoạt động theo loại hình công ty cổ phần về cơ bản đảm bảo có khả năng thu được; Công ty bảo toàn vốn; tính tự chủ tài chính ở mức cao; và phần lớn các chỉ tiêu tài sản, nguồn vốn; tài chính năm 2020 đều tăng hơn so với năm 2019, cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện		So sánh (%)
			2019	2020	
1	Tổng tài sản, trong đó:	Triệu đồng	130.733	130.092	99,51
	+ Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	31.064	33.543	107,98
	+ Tài sản dài hạn	Triệu đồng	99.669	96.549	96,87
2	Nguồn vốn	Triệu đồng	130.733	130.092	99,51
	+ Nợ phải trả	Triệu đồng	10.410	8.437	81,05
	+ Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	120.323	121.655	101,11
3	Vốn điều lệ	Triệu đồng	111.688	111.688	100,00
4	Các chỉ tiêu tài chính:				
	Tài sản dài hạn trên tổng tài sản	%	76,24	74,22	97,35
	Nợ phải trả trên tổng nguồn vốn	%	7,96	6,49	81,53
	Vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn	%	92,04	93,51	101,60
	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	3,17	4,36	137,54
	Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA)	%	6,69	6,78	101,35
	Tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE)	%	7,27	7,25	99,72

4. Đánh giá phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông:

Trong năm 2020, công tác phối hợp giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty khá chặt chẽ, đáp ứng, cung cấp kịp thời các số liệu, hồ sơ chứng từ có liên quan phục vụ nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát nhằm đảm bảo lợi ích cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty.

Đồng thời, Hội đồng quản trị kết hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát kiểm tra, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của công ty để đóng góp ý kiến với Tổng Giám đốc và Ban điều hành để hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đề ra. Ban Kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp HĐQT, thông qua đó, Ban Kiểm soát có cơ hội trao đổi, bàn bạc trực tiếp về những ý kiến đóng góp của mình với HĐQT và Ban điều hành, với tư cách là giám sát viên và đại diện cổ đông.

Sự phối hợp này, được thực hiện phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Đối với cổ đông, trong năm 2020, Ban Kiểm soát chưa nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

II. KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2021:

Ban Kiểm soát thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Trong năm 2021, Ban Kiểm soát sẽ tập trung thực hiện các công việc như sau:

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác giám sát việc tuân thủ pháp luật, điều lệ đối với việc chỉ đạo của Hội đồng quản trị, việc triển khai kế hoạch kinh doanh, thực hiện các Nghị quyết Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đối với Ban điều hành.

- Thực hiện tốt các công tác khác của Ban Kiểm soát được quy định trong điều lệ và pháp luật.

B. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NHIỆM KỲ 2015 - 2020:

I. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2015 - 2020 được bầu tại Đại hội đồng cổ đông lần đầu (Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/12/2015 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu), gồm có 03 thành viên như sau:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ghi chú
1	Bà Quách Thụy Phương Thảo	Trưởng BKS	Chuyên trách
2	Bà Lý Hồng Yến	Thành viên BKS	Không chuyên trách
3	Ông Phan Chí Quang	Thành viên BKS	Không chuyên trách

II. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

1. Số lượng các cuộc họp Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát họp định kỳ theo quy định, các cuộc họp bất thường cũng được triệu tập khi có yêu cầu. Tất cả các cuộc họp Ban Kiểm soát đều có sự tham dự đầy đủ của các thành viên Ban Kiểm soát và phân công thư ký cụ thể để ghi biên bản nội dung cuộc họp.

Trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, Ban Kiểm soát đã họp 27 lần. Báo cáo ghi nhận sự tham gia dự họp của các thành viên Ban Kiểm soát tại cuộc họp như sau:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Quách Thụy Phương Thảo	Trưởng BKS	27/27	100%
2	Bà Lý Hồng Yên	Thành viên BKS	27/27	100%
3	Ông Phan Chí Quang	Thành viên BKS	26/26	100%

Ngoài các cuộc họp Ban Kiểm soát nêu trên, Trưởng Ban Kiểm soát còn tham dự khá đầy đủ các phiên họp thường kỳ của Hội đồng quản trị để nắm bắt, có ý kiến và giám sát tình hình quản trị, điều hành của Công ty.

2. Quyết định của Ban Kiểm soát:

Trong nhiệm kỳ, Ban Kiểm soát đã ban hành Quyết định số 04/QĐ-BKS ngày 30/3/2016 về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.

3. Tiền lương, thù lao, chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát:

Tiền lương, thù lao và các khoản chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Đối với thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách (Trưởng BKS): Chế độ lương theo chế độ của Công ty.

- Đối với thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách được hưởng thù lao, chi tiết qua các năm như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020
Thù lao BKS	90,72	111,04	146,57	147,06	108,00
Chi phí hoạt động của BKS	-	-	-	-	-

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

1. Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu đã tổ chức hoạt động phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát và các quy định hiện hành; đảm bảo về số lượng cuộc họp, số thành viên tham dự và các quan sát viên để đáp ứng tính pháp lý và hiệu quả cuộc họp.

2. Đưa ra các định hướng triển khai một cách cụ thể, khả thi và giám sát chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Trong nhiệm kỳ, Ban Kiểm soát chưa nhận được đơn thư khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

Riêng trong năm 2019, Ban Kiểm soát có nhận được yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty về việc đề nghị Ban kiểm soát kiểm tra hàng quý theo chuyên đề để báo cáo cho Hội đồng quản trị Công ty nắm bắt thông tin và kịp thời chỉ đạo sát sao hơn.

4. Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty, Ban Kiểm soát chưa thấy có dấu hiệu bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành Công ty của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý.

IV. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA TỪNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT:

Trong nhiệm kỳ vừa qua (2015 - 2020), các thành viên Ban Kiểm soát bám sát bảng phân công nhiệm vụ của từng thành viên để thực hiện các công việc được giao và được hội đồng thi đua khen thưởng bình bầu, như sau:

1. Bà Quách Thụy Phương Thảo: Hoàn thành tốt nhiệm vụ (từ năm 2016 đến năm 2020)
2. Bà Lý Hồng Yến: Hoàn thành tốt nhiệm vụ (từ năm 2016 đến năm 2020)
3. Ông Phan Chí Quang: Hoàn thành tốt nhiệm vụ (từ năm 2016 đến tháng 8 năm 2020).

V. ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CÔNG TY ĐÃ ĐƯỢC:

1. Công tác quản lý tài chính: Vốn điều lệ của Công ty 111,688 tỷ đồng, trong đó Nhà nước nắm giữ 98,65% (tương đương 110,176 tỷ đồng), còn lại do các cổ đông khác nắm giữ.

Vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển qua mỗi năm, bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và hiệu quả. Ban Điều hành Công ty đã có những chỉ đạo kịp thời liên quan đến công tác quản lý tài chính của Công ty.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hằng năm đều đạt và vượt so với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Nhìn chung, nhiệm kỳ 2015 - 2020, sản lượng công ty tăng trưởng bình quân 6% mỗi năm, doanh thu hàng năm tăng từ 5 -> 15%. Đặc biệt, năm 2019 có tỷ lệ tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn 2015 - 2020 về sản lượng nước chuẩn thu, doanh thu, lợi nhuận sau thuế và tỷ lệ thất thoát nước giảm. Đạt được tăng trưởng như vậy một phần do nhu cầu sử dụng nước của khách hàng tăng, công ty tiết kiệm được tối đa các khoản chi phí đầu vào.

3. Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Chính phủ và UBND tỉnh Bạc Liêu về thoái vốn nhà nước. Tăng tỷ lệ cung cấp nước sạch vùng phục vụ, nộp thuế và đóng bảo hiểm cho người lao động đúng, đủ. Cung cấp nước sạch an toàn, chất lượng và liên tục; triển khai các công trình cải tạo và mở rộng mạng lưới cấp nước theo kế hoạch hàng năm.

4. Công tác quản lý và điều hành, phục vụ khách hàng không ngừng được cải tiến. Phát hiện và xử lý một số trường hợp vi phạm hợp đồng sử dụng nước. Ý thức thực thi công việc của cán bộ và người lao động trong Công ty ngày càng được nâng cao, tích cực hơn, đáp ứng yêu cầu mới, việc sử dụng lao động hiệu quả hơn. Việc chăm lo đời sống và chính sách đối với người lao động luôn được Lãnh đạo đơn vị quan tâm và chú trọng.

Trên đây là những nội dung báo cáo về tình hình hoạt động năm 2020 và nhiệm kỳ 2015 - 2020 của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- Ban TGD
- Lưu VT.

**TM/ BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Quách Thụy Phương Thảo

Phụ lục 01
CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

Phiên họp	Số thành viên tham dự	Nội dung chính
Ngày 07/02/2020	3/3 Thành viên BKS	<ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu; - Dự thảo Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu; - Dự thảo Kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.
Ngày 18/5/2020	3/3 Thành viên BKS	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý I/2020 và triển khai kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh quý II/2020 của Công ty; - Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu; - Thông qua Tờ trình về việc chi trả cổ tức năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.
Ngày 20/7/2020	3/3 Thành viên BKS	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Quy chế quản lý tài chính Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu; - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý 2/2020 và triển khai kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh quý 3/2020 của Công ty; - Thông qua Dự thảo Báo cáo tình hình công nợ thu tiền nước I năm 2020 tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu của Ban Kiểm soát.
Ngày 20/10/2020	2/2 Thành viên BKS	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý 3, lũy kế 09 tháng đầu năm 2020 và triển khai kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh quý 4 năm 2020 của Công ty.

Số: 01/TTr - HĐQT

Bạc Liêu, ngày 25 tháng 10 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được Đại Hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 19/12/2015 và được sửa đổi, bổ sung ngày 19/9/2019,

Căn cứ danh sách các đơn vị kiểm toán được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2020, theo đó Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu có Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 22/5/2020 chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Thành phố Hồ Chí Minh (AISC) là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

Báo cáo tài chính năm 2020 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải tại website của Công ty (<http://capnuocbaclieu.com.vn>), bao gồm:

1. Báo cáo của kiểm toán viên;
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020;
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020;
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tại ngày 31/12/2020;
5. Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2020.

Trong đó, một số chỉ tiêu tài chính cơ bản như sau:

STT	Chỉ tiêu cơ bản	ĐVT	Báo cáo tài chính
1.	Tổng tài sản	Đồng	130.092.485.635
-	Tài sản ngắn hạn	Đồng	33.542.963.714
-	Tài sản dài hạn	Đồng	96.549.521.921
2.	Tổng nguồn vốn	Đồng	130.092.485.635
-	Nợ phải trả	Đồng	8.437.529.549
-	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	121.654.956.086
3.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Đồng	111.688.000.000
4.	Tổng doanh thu	Đồng	62.915.696.365
5.	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	10.279.084.717
6.	Thuế TNDN	Đồng	1.464.658.260
7.	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	8.814.426.457
8.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	744



Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
Dặng Minh Thừa



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU

MỤC LỤC

---- oOo ----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01-02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03-04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-08
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10-11
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-31

Handwritten signature and initials

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

1. Thông tin chung về Công ty:

Thành lập:

Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cấp nước Bạc Liêu theo Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 14 tháng 03 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1900605680 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2015.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch; Đầu tư thi công các công trình: xử lý, cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai, nước đá tinh khiết.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư thi công xây dựng các công trình dân dụng; Thi công công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp - thoát nước.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh vật tư.
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Cho thuê xe.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê nhà, xưởng, mặt bằng và kho bãi.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.

Tên viết tắt: BAWACO.

Trụ sở chính: 92 Lê Duẩn, Khóm 7, Phường 1, Thành phố Bạc Liêu, Bạc Liêu, Việt Nam

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông Quốc Hồ Đình Tuấn	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 28/04/2020)
Ông Đặng Minh Thừa	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 28/04/2020)
Ông Võ Minh Trang	Thành viên
Ông Lê Văn Huy	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Quách Thụy Phương Thảo	Trưởng ban
Bà Lý Hồng Yến	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng: (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Võ Minh Trang

Tổng Giám đốc

Ông Lê Thanh Bào

Phó Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Kế toán Trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Ông Võ Minh Trang

Tổng Giám đốc

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM ("AISC") được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Bạc Liêu, ngày 21 tháng 01 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Võ Minh Trang

Tổng Giám đốc



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing And Informatic Services Company Limited

Head Office: 389A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines) Fax: (84.28) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn

Số: B0520162-R/AISC-TV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (gọi tắt là "công ty"), được lập ngày 21 tháng 01 năm 2021, từ trang 5 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần vào ngày 17 tháng 01 năm 2020.

Tp. HCM, ngày 21 tháng 01 năm 2021



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ HÙNG DŨNG

*Số Giấy CNĐKHNKT: 3174-2020-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp*

KIỂM TOÁN VIÊN

TRẦN HẢI SƠN

*Số Giấy CNĐKHNKT: 2172-2018-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp*

11/01/21
C
N V
V H
PH C
HINI
10/1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		33.542.963.714	31.063.917.978
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	26.345.495.037	19.116.844.160
1. Tiền	111		3.297.270.546	4.118.691.984
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.048.224.491	14.998.152.176
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	3.681.757.201
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	3.681.757.201
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.761.181.367	2.458.011.057
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	1.196.648.873	1.269.574.770
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3a	1.183.200.000	750.640.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	912.682.292	872.451.329
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.2	(531.349.798)	(434.655.042)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	4.083.912.987	5.566.564.895
1. Hàng tồn kho	141		4.897.193.657	6.379.845.565
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(813.280.670)	(813.280.670)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		352.374.323	240.740.665
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	118.536.823	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	121.448.984
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11b	233.837.500	119.291.681
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		96.549.521.921	99.669.420.344
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		79.771.458	79.771.458
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.3b	361.490.656	361.490.656
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	549.348.458	549.348.458
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.3,4	(831.067.656)	(831.067.656)
II. Tài sản cố định	220		88.234.051.056	89.969.226.208
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	87.083.162.112	89.735.379.272
- Nguyên giá	222		189.137.778.368	179.195.227.226
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(102.054.616.256)	(89.459.847.954)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	1.150.888.944	233.846.936
- Nguyên giá	228		1.420.962.714	383.038.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(270.073.770)	(149.191.064)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.913.053.649	3.104.189.805
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	1.913.053.649	3.104.189.805
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.322.645.758	6.516.232.873
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	6.322.645.758	6.516.232.873
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		130.092.485.635	130.733.338.322

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.437.529.549	10.409.968.693
I. Nợ ngắn hạn	310		7.691.032.280	9.793.950.671
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.10	230.063.914	476.148.086
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11a	897.183.346	1.032.745.804
4. Phải trả người lao động	314		3.575.263.300	4.238.156.854
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12a	743.686.926	2.441.855.805
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.973.305.244	1.370.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.13	271.529.550	235.044.122
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		746.497.269	616.018.022
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		50.000.000	50.000.000
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		38.008.129	38.008.129
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.12b	658.489.140	528.009.893
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

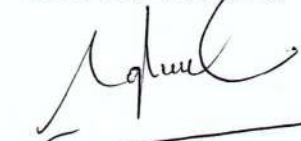
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		121.654.956.086	120.323.369.629
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	121.654.956.086	120.323.369.629
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		111.688.000.000	111.688.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		111.688.000.000	111.688.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.594.515.154	719.577.154
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.372.440.932	7.915.792.475
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		58.014.475	66.405.693
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.314.426.457	7.849.386.782
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		130.092.485.635	130.733.338.322

NGƯỜI LẬP BIỂU


Võ Thị Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Nguyễn Thị Lan Hương

Bạc Liêu, ngày 21 tháng 01 năm 2021

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
 M.S.D.N: 190000568
 TP. BẠC LIÊU - T. BẠC LIÊU
 Võ Minh Trang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	59.687.331.804	57.848.507.286
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	967.556	49.049.158
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	59.686.364.248	57.799.458.128
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	33.348.071.845	32.763.439.359
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		26.338.292.403	25.036.018.769
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	846.932.950	850.439.750
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	5.750.631.203	6.054.058.895
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	11.691.191.543	11.778.600.999
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		9.743.402.607	8.053.798.625
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.382.399.167	4.270.788.767
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.846.717.057	1.341.962.773
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		535.682.110	2.928.825.994
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		10.279.084.717	10.982.624.619
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	1.464.658.260	2.233.237.837
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		8.814.426.457	8.749.386.782
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	744	628
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	744	628

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Chữ ký)
Võ Thị Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Chữ ký)
Nguyễn Thị Lan Hương

Bạc Liêu, ngày 21 tháng 01 năm 2021



Võ Minh Trang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		68.075.845.497	66.215.426.759
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(23.049.746.652)	(29.538.359.645)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(15.399.382.566)	(13.113.054.432)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.706.117.241)	(1.996.151.246)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.263.917.682	3.830.017.559
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(15.689.617.038)	(15.875.656.301)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		15.494.899.682	9.522.222.694
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(6.691.759.436)	(7.651.397.754)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		22.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6.427.639.294)	(3.681.757.201)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.109.396.495	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		846.932.950	850.439.750
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.141.069.285)	(10.482.715.205)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.125.179.520)	(1.858.564.710)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.125.179.520)	(1.858.564.710)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		7.228.650.877	(2.819.057.221)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		19.116.844.160	21.935.901.381
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	<u>26.345.495.037</u>	<u>19.116.844.160</u>

NGƯỜI LẬP BIỂU

[Signature]
Võ Thị Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG

[Signature]
Nguyễn Thị Lan-Hương

Bạc Liêu, ngày 21 tháng 01 năm 2021



11
ĐN
TN
ST
VU
AN
CH
TP
11

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập:**

Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cấp nước Bạc Liêu theo Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 14 tháng 03 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1900605680 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2015.

Tên viết tắt: BAWACO.

Trụ sở chính: 92 Lê Duẩn, Khóm 7, Phường 1, Thành phố Bạc Liêu, Bạc Liêu, Việt Nam.

2. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.**3. Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, thương mại, dịch vụ,...**4. Ngành nghề kinh doanh:**

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch; Đầu tư thi công các công trình: xử lý, cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai, nước đá tinh khiết.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư thi công xây dựng các công trình dân dụng; Thi công công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp - thoát nước.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh vật tư.
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Cho thuê xe.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê nhà, xưởng, mặt bằng và kho bãi.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.

5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Không có.

7. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2020: 90 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2019: 93 nhân viên)**8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền: Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo mỗi loại thành phẩm hoàn thành trong kỳ.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp:

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế là giá thành thực tế của tài sản cố định tự xây dựng hoặc tự chế cộng (+) chi phí lắp đặt, chạy thử. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm do mình sản xuất ra để chuyển thành tài sản cố định thì nguyên giá là chi phí sản xuất sản phẩm đó cộng (+) các chi phí trực tiếp khác liên quan đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trong các trường hợp trên, mọi khoản lãi nội bộ không được tính vào nguyên giá của tài sản đó.

4.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 35 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 17 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 27 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 10 năm
Chương trình phần mềm	02 - 10 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí nâng cấp, cải tạo, di dời các tuyến ống cấp nước.

Chi phí này được kết chuyển tạm ghi tăng tài sản cố định với 80% - 90% giá trị công trình đề nghị quyết toán và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Giá trị tài sản sẽ được ghi nhận đầy đủ sau khi công trình được quyết toán, nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong và tài sản được bàn giao chính thức.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí đi dờ thay thế đồng hồ hết hạn kiểm định, chi phí lắp đặt ống nhánh và các chi phí khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phân bổ.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

7. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm chi phí thi công công trình cấp nước đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận cụ thể.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên thông báo của ngân hàng theo thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa bán trong kỳ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau:

Thuế suất thuế TNDN trong năm 2020 áp dụng tại Công ty là 20%.

13. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Công cụ tài chính:**Ghi nhận ban đầu:****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

15. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2020	01/01/2020
Tiền	3.297.270.546	4.118.691.984
Tiền mặt	147.519.460	257.835.912
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.149.751.086	3.860.856.072
Các khoản tương đương tiền	23.048.224.491	14.998.152.176
Tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng	23.048.224.491	14.998.152.176
Cộng	26.345.495.037	19.116.844.160

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Phải thu của khách hàng	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	1.196.648.873	(531.349.798)	1.269.574.770	(434.655.042)
Khách hàng trong nước	1.196.648.873	(531.349.798)	1.269.574.770	(434.655.042)
Phải thu tiền nước	1.179.122.051	(531.349.798)	1.206.184.100	(434.655.042)
Công ty TNHH Nam Long	12.481.822	-	17.560.000	-
Các đối tượng khác	5.045.000	-	45.830.670	-
Cộng	1.196.648.873	(531.349.798)	1.269.574.770	(434.655.042)
3. Trả trước cho người bán	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	1.183.200.000	-	750.640.000	-
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Đô thị Việt	544.200.000	-	-	-
Công ty TNHH Xây Dựng Thành Công	216.000.000	-	-	-
Công ty TNHH khoan địa chất công trình - địa chất thủy văn Hoàng Kim	264.000.000	-	-	-
Công ty TNHH TM-DV Huỳnh Gia	-	-	130.550.000	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp nước 94	40.000.000	-	180.000.000	-
Công ty TNHH Tài Lộc Bạc Liêu	90.500.000	-	111.000.000	-
Công ty CP Công nghệ Thông tin Địa lý EK	-	-	273.090.000	-
Các đối tượng khác	28.500.000	-	56.000.000	-
b. Dài hạn	361.490.656	(357.990.656)	361.490.656	(357.990.656)
Nguyễn Hữu Thắng	222.820.798	(222.820.798)	222.820.798	(222.820.798)
Nguyễn Hữu Tuấn	135.169.858	(135.169.858)	135.169.858	(135.169.858)
Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị TP.HCM	3.500.000	-	3.500.000	-
Cộng	1.544.690.656	(357.990.656)	1.112.130.656	(357.990.656)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Phải thu khác	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	912.682.292	-	872.451.329	-
Phải thu về cổ phần hóa	-	-	205.351.000	-
Phải thu khác	14.440.552	-	14.348.614	-
Tạm ứng	248.202.600	-	132.200.000	-
Ký quỹ, ký cược	650.039.140	-	520.551.715	-
b. Dài hạn	549.348.458	(473.077.000)	549.348.458	(473.077.000)
Chi phí di dời hệ thống cấp nước đường Cách Mạng	66.271.458	-	66.271.458	-
Công ty TNHH DV TM XD VT Vinh phát	473.077.000	(473.077.000)	473.077.000	(473.077.000)
Ký quỹ, ký cược	10.000.000	-	10.000.000	-
Cộng	1.462.030.750	(473.077.000)	1.421.799.787	(473.077.000)
c. Phải thu khác là các bên liên quan				
Tổng Công ty Đầu Tư và Kinh Doanh Vốn Nhà Nước	-	-	205.351.000	-
Cộng	-	-	205.351.000	-

5. Hàng tồn kho	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.781.691.633	(813.280.670)	5.286.742.736	(813.280.670)
Công cụ, dụng cụ	90.487.711	-	1.019.294.823	-
Thành phẩm	25.014.313	-	73.808.006	-
Cộng	4.897.193.657	(813.280.670)	6.379.845.565	(813.280.670)

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 813.280.670 VND.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: không có.
- Lý do dẫn đến việc trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho lâu lỗi thời.

6. Tài sản cố định hữu hình: Xem thuyết minh trang 29.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	383.038.000	383.038.000
<i>Mua trong năm</i>	109.645.714	109.645.714
<i>Đầu tư XDCB hình thành</i>	928.279.000	928.279.000
Số dư cuối năm	1.420.962.714	1.420.962.714
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	149.191.064	149.191.064
<i>Khấu hao trong năm</i>	120.882.706	120.882.706
Số dư cuối năm	270.073.770	270.073.770
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	233.846.936	233.846.936
Số dư cuối năm	1.150.888.944	1.150.888.944

* Giá trị còn lại của TSCĐVH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND.

8. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
XDCB và sửa chữa Công trình mạng lưới cấp nước	1.913.053.649	-	3.104.189.805	-
- Lắp đặt tuyến ống truyền tải uPVC D315mm Đường Cao Văn Lầu (đoạn Nguyễn Tri Phương - Ninh Bình)	-	-	1.177.405.868	-
- Di dời hệ thống cấp nước Đường Cao Văn Lầu đoạn Ninh Bình đến cầu Trường Sơn (giai đoạn 2)	-	-	839.932.796	-
- Lắp đặt bể chứa nước sạch 500m ³ /h tại nhà máy số 1.	1.102.155.487	-	-	-
- Giếng khoan khai thác số 19 đường Cao Văn Lầu, phường 5, thành phố Bạc Liêu.	488.310.619	-	-	-
Công trình khác	322.587.543	-	1.086.851.141	-
Cộng	1.913.053.649	-	3.104.189.805	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Chi phí trả trước		31/12/2020	01/01/2020	
a. Chi phí trả trước ngắn hạn		118.536.823	-	
Công cụ dụng cụ		82.536.823	-	
Chi phí khác cần phân bổ		36.000.000	-	
Cộng		118.536.823	-	
b. Chi phí trả trước dài hạn		6.322.645.758	6.516.232.873	
Chi phí lắp đặt		2.992.078.273	2.261.582.723	
Chi phí di dời đồng hồ		2.773.990.905	2.856.828.066	
Chi phí khác cần phân bổ		556.576.580	1.397.822.084	
Cộng		6.322.645.758	6.516.232.873	
10. Phải trả người bán		31/12/2020	01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	230.063.914	230.063.914	476.148.086	476.148.086
Nhà cung cấp trong nước	230.063.914	230.063.914	476.148.086	476.148.086
Công ty TNHH MTV Hưng Thịnh Bạc Liêu	-	-	322.296.128	322.296.128
Các nhà cung cấp khác	230.063.914	230.063.914	153.851.958	153.851.958
Cộng	230.063.914	230.063.914	476.148.086	476.148.086
11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2020
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	849.011.066	760.913.381	88.097.685
Thuế thu nhập doanh nghiệp	489.406.150	1.464.658.260	1.706.117.241	247.947.169
Thuế tài nguyên	139.909.200	1.680.540.000	1.684.982.000	135.467.200
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	14.334.600	14.334.600	-
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	403.430.454	5.248.935.516	5.226.694.678	425.671.292
Cộng	1.032.745.804	9.257.479.442	9.393.041.900	897.183.346
b. Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	119.291.681	120.050.888	234.596.707	233.837.500
Cộng	119.291.681	120.050.888	234.596.707	233.837.500

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Phải trả khác		31/12/2020	01/01/2020
a. Ngắn hạn		743.686.926	2.441.855.805
Bảo hiểm xã hội		-	3.408.321
Cổ tức phải trả		32.853.310	15.192.830
Các khoản phải trả khác		710.833.616	2.423.254.654
Cộng		743.686.926	2.441.855.805
b. Dài hạn		658.489.140	528.009.893
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		658.489.140	528.009.893
Cộng		658.489.140	528.009.893
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		31/12/2020	01/01/2020
Quỹ khen thưởng		24.300.000	2.780.000
Quỹ phúc lợi		247.229.550	232.264.122
Cộng		271.529.550	235.044.122
14. Vốn chủ sở hữu			
a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: Xem thuyết minh trang 30.			
b. Chi tiết vốn góp của các cổ đông			
	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2020	01/01/2020
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh Doanh Vốn Nhà Nước	98,65%	110.176.000.000	110.176.000.000
Các cổ đông khác	1,35%	1.512.000.000	1.512.000.000
Cộng	100,00%	111.688.000.000	111.688.000.000
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		Năm 2020	Năm 2019
Vốn góp của chủ sở hữu		111.688.000.000	111.688.000.000
<i>Vốn góp đầu năm</i>		<i>111.688.000.000</i>	<i>111.688.000.000</i>
<i>Vốn góp cuối năm</i>		<i>111.688.000.000</i>	<i>111.688.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		6.142.840.000	-
d. Cổ phiếu		31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		11.168.800	11.168.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		11.168.800	11.168.800
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		<i>11.168.800</i>	<i>11.168.800</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		11.168.800	11.168.800
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		<i>11.168.800</i>	<i>11.168.800</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.		10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

e. Các quỹ của doanh nghiệp	31/12/2020	01/01/2020
Quỹ đầu tư phát triển	1.594.515.154	719.577.154
Cộng	1.594.515.154	719.577.154

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu bán thành phẩm	1.087.905.445	936.302.724
Doanh thu sản xuất nước	56.645.154.008	54.806.225.251
Doanh thu lắp đặt	1.552.295.996	1.767.964.481
Doanh thu khác	401.976.355	338.014.830
Cộng	59.687.331.804	57.848.507.286
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2020	Năm 2019
Hàng bán bị trả lại	967.556	49.049.158
Cộng	967.556	49.049.158
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu bán thành phẩm	1.087.905.445	936.302.724
Doanh thu sản xuất nước	56.644.663.870	54.757.176.093
Doanh thu lắp đặt	1.551.818.578	1.767.964.481
Doanh thu khác	401.976.355	338.014.830
Cộng	59.686.364.248	57.799.458.128
4. Giá vốn hàng bán	Năm 2020	Năm 2019
Giá vốn bán thành phẩm	660.039.198	741.101.494
Giá vốn sản xuất nước	31.387.146.569	30.479.912.499
Giá vốn lắp đặt	1.250.668.692	1.337.501.737
Giá vốn khác	50.217.386	204.923.629
Cộng	33.348.071.845	32.763.439.359
5. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2020	Năm 2019
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.387.708	4.694.347
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	841.545.242	845.745.403
Cộng	846.932.950	850.439.750

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2020	Năm 2019
6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	2.885.847.855	2.596.641.270
Chi phí vật liệu, bao bì	24.600.000	6.379.163
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	77.023.940	123.922.416
Chi phí khấu hao TSCĐ	407.011.293	423.538.661
Chi phí bằng tiền khác	2.356.148.115	2.903.577.385
Cộng	5.750.631.203	6.054.058.895
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	5.970.532.205	5.092.212.336
Chi phí đồ dùng văn phòng	226.362.713	136.371.795
Chi phí khấu hao TSCĐ	289.367.266	194.303.684
Thuế, phí, lệ phí	1.851.245.600	2.064.732.200
Chi phí dự phòng	96.694.756	473.077.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	172.498.856	178.639.524
Chi phí bằng tiền khác	3.084.490.147	3.639.264.460
Cộng	11.691.191.543	11.778.600.999
7. Thu nhập khác	Năm 2020	Năm 2019
Các khoản điều chỉnh bồi thường di dời thực hiện công trình	2.380.221.167	4.270.716.376
Thu nhập khác	2.178.000	72.391
Cộng	2.382.399.167	4.270.788.767
8. Chi phí khác	Năm 2020	Năm 2019
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	935.344	144.874.208
Chi phí khác	1.845.781.713	1.197.088.565
Cộng	1.846.717.057	1.341.962.773
9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.725.887.109	11.111.788.026
Chi phí nhân công	16.462.155.686	16.805.909.654
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.771.299.078	11.464.446.214
Chi phí dịch vụ mua ngoài	693.378.613	1.450.680.998
Chi phí khác bằng tiền	10.023.127.573	9.801.221.355
Cộng	48.675.848.059	50.634.046.247

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2020	Năm 2019
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.279.084.717	10.982.624.619
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	182.760.000	183.564.564
Các khoản điều chỉnh tăng	182.760.000	183.564.564
+ Chi phí không được trừ	182.760.000	183.564.564
3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành (3=1+2)	10.461.844.717	11.166.189.183
4. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (5=3*4)	2.092.368.943	2.233.237.837
6. Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm (*)	627.710.683	-
7. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>1.464.658.260</u>	<u>2.233.237.837</u>

(*) Công ty CP Cấp nước Bạc Liêu được giảm trừ 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp do thỏa mãn các điều kiện quy định tại điều 2 của Nghị quyết số 116/2020/QH4 ngày 19/06/2020 được thông qua bởi Quốc hội XIV, kỳ họp số 9 về việc giảm trừ thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.814.426.457	8.749.386.782
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	(500.000.000)	(1.740.000.000)
- Các khoản điều chỉnh giảm	(500.000.000)	(1.740.000.000)
+ Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	(500.000.000)	(1.740.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.314.426.457	7.009.386.782
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.168.800	11.168.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	744	628
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	744	628

12. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

12.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả nhà cung cấp và phải trả khác.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

12.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Ngành cấp nước là ngành dịch vụ công cộng chịu sự kiểm soát của Nhà nước. Nước sạch được xem là một mặt hàng đặc biệt, nhu cầu ít biến động khi nền kinh tế có sự biến động. Đối tượng sử dụng nước chủ yếu là các đơn vị, cá nhân hộ gia đình theo từng khu vực. Do vậy, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng từ công nợ phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

12.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2020	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Phải trả người bán	230.063.914	-	-	230.063.914
Chi phí phải trả	-	38.008.129	-	38.008.129
Các khoản phải trả, phải nộp khác	743.686.926	658.489.140	-	1.402.176.066
Cộng	973.750.840	696.497.269	-	1.670.248.109
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Phải trả người bán	476.148.086	-	-	476.148.086
Chi phí phải trả	-	38.008.129	-	38.008.129
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.441.855.805	528.009.893	-	2.969.865.698
Cộng	2.918.003.891	566.018.022	-	3.484.021.913

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản nợ đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Xem thuyết minh trang 31.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:**

Không có khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và thông tin tài chính quan trọng nào phát sinh kể từ ngày kết thúc năm tài chính phải có thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

2. Các thông tin khác và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm phải thu (phải trả)
Tổng Công ty Đầu Tư và Kinh Doanh Vốn Nhà Nước	Cổ đông lớn	Phải thu khác	205.351.000	-
+ Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc			Năm 2020	Năm 2019
Ban Tổng Giám đốc		Lương và thưởng	1.093.353.361	1.058.973.254
Hội đồng quản trị		Thù lao	262.512.000	242.069.237
Cộng			1.355.865.361	1.301.042.491

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực khai thác, xử lý và cung cấp nước. Công ty hoạt động chủ yếu trên địa bàn thành phố Bạc Liêu. Do đó, Ban Tổng Giám đốc công ty nhận thấy không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Thông tin so sánh

Một số chỉ tiêu năm 2019 trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được trình bày lại cho phù hợp với hướng dẫn của Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho năm hiện hành.

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2019	Chênh lệch
	Số đã trình bày	Số trình bày lại	
Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	703	628	(75)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	703	628	(75)

6. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Võ Thị Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Lan Hương


BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.6. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	45.675.641.642	37.757.362.128	94.649.863.893	1.112.359.563	179.195.227.226
Mua trong năm	-	-	-	39.340.000	39.340.000
Đầu tư XD/CB hình thành	4.027.939.452	2.676.027.111	3.358.459.938	-	10.062.426.501
Thanh lý, nhượng bán	-	(65.783.414)	-	-	(65.783.414)
Giảm khác	(90.191.653)	(1.757.093)	(1.483.199)	-	(93.431.945)
Số dư cuối năm	49.613.389.441	40.365.848.732	98.006.840.632	1.151.699.563	189.137.778.368
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	18.431.858.666	25.788.654.691	44.651.803.773	587.530.824	89.459.847.954
Khấu hao trong năm	3.255.558.133	3.685.740.453	5.576.299.394	132.818.392	12.650.416.372
Thanh lý, nhượng bán	-	(44.848.070)	-	-	(44.848.070)
Giảm khác	(10.800.000)	-	-	-	(10.800.000)
Số dư cuối năm	21.676.616.799	29.429.547.074	50.228.103.167	720.349.216	102.054.616.256
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	27.243.782.976	11.968.707.437	49.998.060.120	524.828.739	89.735.379.272
Số dư cuối năm	27.936.772.642	10.936.301.658	47.778.737.465	431.350.347	87.083.162.112

* Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 13.101.873.519 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm chờ thanh lý: Không có.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.14. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2019	111.688.000.000	719.577.154	-	112.407.577.154
Lợi nhuận trong năm	-	-	8.749.386.782	8.749.386.782
Tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2019	-	-	(900.000.000)	(900.000.000)
Tăng khác trong năm	-	-	66.405.693	66.405.693
Số dư tại ngày 31/12/2019	111.688.000.000	719.577.154	7.915.792.475	120.323.369.629
Số dư tại ngày 01/01/2020	111.688.000.000	719.577.154	7.915.792.475	120.323.369.629
Lợi nhuận trong năm	-	-	8.814.426.457	8.814.426.457
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	874.938.000	(874.938.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2019 (*)	-	-	(840.000.000)	(840.000.000)
Tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2020	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	(6.142.840.000)	(6.142.840.000)
Số dư tại ngày 31/12/2020	111.688.000.000	1.594.515.154	8.372.440.932	121.654.956.086

(*) Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 dựa theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty CP Cấp nước Bạc Liêu ngày 28/04/2020.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

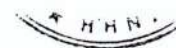
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI.13. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2020		31/12/2019		31/12/2020	31/12/2019
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	3.681.757.201	-	-	3.681.757.201
- Phải thu khách hàng	1.196.648.873	(531.349.798)	1.269.574.770	(434.655.042)	665.299.075	834.919.728
- Phải thu khác	1.213.828.150	(473.077.000)	1.289.599.787	(473.077.000)	740.751.150	816.522.787
- Tiền và các khoản tương đương tiền	26.345.495.037	-	19.116.844.160	-	26.345.495.037	19.116.844.160
TỔNG CỘNG	28.755.972.060	(1.004.426.798)	25.357.775.918	(907.732.042)	27.751.545.262	24.450.043.876
Nợ phải trả tài chính						
- Phải trả người bán	230.063.914	-	476.148.086	-	230.063.914	476.148.086
- Chi phí phải trả	38.008.129	-	38.008.129	-	38.008.129	38.008.129
- Phải trả khác	1.402.176.066	-	2.951.264.547	-	1.402.176.066	2.951.264.547
TỔNG CỘNG	1.670.248.109	-	3.465.420.762	-	1.670.248.109	3.465.420.762



Số: 07/TTTr - HĐQT

Bạc Liêu, ngày 25 tháng 10 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận,
trích lập các quỹ và mức trả cổ tức năm 2020**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được Đại Hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 19/12/2015 và được sửa đổi, bổ sung ngày 19/9/2019;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ thông qua ngày 28/4/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 cụ thể như sau:

1. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp:

- 1.1. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước: 58.014.475 đồng
- 1.2. Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020: 8.814.426.457 đồng
- 1.3. Điều chỉnh hồi tố theo TBKL kiểm toán năm 2020: (45.530.800) đồng
- 1.4. Lợi nhuận được phân phối: 8.826.910.132 đồng

2. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020:

**2.1. Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi; Quỹ thưởng Người quản lý năm 2020:
1.950.000.000 đồng**

Theo quy định Điểm a Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 18 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước. Công ty chọn mức trích Quỹ khen thưởng phúc lợi của người lao động và quỹ khen thưởng Người quản lý năm 2020 (tối đa không quá 3 tháng tiền lương bình quân của người lao động và tối đa không quá 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty) cụ thể như sau:



Số: 06/TTr-HĐQT

Bạc Liêu, ngày 25 tháng 10 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được Đại Hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 19/12/2015 và được sửa đổi, bổ sung ngày 19/9/2019,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế (%)	Kế hoạch năm 2021
I	Chỉ tiêu sản xuất		
1	Sản lượng nước khai thác (m ³)		8.550.000
2	Sản lượng nước tiêu thụ (m ³)		7.700.000
II	Chỉ tiêu kinh doanh		
1	Tổng doanh thu (61.174 trđ trừ điều chỉnh giảm tiền sử dụng nước cho k/h do dịch Covid-19: 600 trđ)		60.574.000.000
2	Tổng chi phí		51.424.000.000
3	Lợi nhuận trước thuế (9.750 trđ trừ điều chỉnh giảm tiền sử dụng nước cho k/h do dịch Covid-19: 600 trđ)		9.150.000.000
4	Thuế TNDN		1.830.000.000
5	Lợi nhuận sau thuế		7.320.000.000
III	Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản (1)		8.404.000.000
IV	Phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN		
1	Quỹ khen thưởng phúc lợi; Quỹ thưởng người quản lý (2)	26,64%	1.950.000.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	3,36%	246.000.000
3	Trả cổ tức tối thiểu 4,5% VDL	70,00%	5.124.000.000

(1) Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2021:

Căn cứ phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021 Công ty có kế hoạch đầu tư xây dựng các hạng mục công trình nâng cấp, cải tạo, mở rộng mạng lưới cấp nước để đảm bảo cung cấp nước được an toàn, chất lượng. Tổng giá trị đầu tư 8.404 triệu đồng (đính kèm danh mục kế hoạch đầu tư XDCB năm 2021)

(2) Quỹ khen thưởng phúc lợi; Quỹ thưởng Người quản lý năm 2021:

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước. Theo quy định Khoản 1, Khoản 2 Điều 18 Thông tư 28. Công ty chọn mức trích Quỹ khen thưởng phúc lợi của người lao động và quỹ khen thưởng Người quản lý kế hoạch năm 2021 (tối đa không quá 3 tháng tiền lương bình quân của người lao động và tối đa không quá 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách) như sau:

TT	Chỉ tiêu	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi năm 2021	Quỹ thưởng Người quản lý năm 2021
1	Tổng quỹ tiền lương kế hoạch năm 2021	13.019.908.968	2.022.000.000
2	Tiền lương bình quân tháng (TQL/12 tháng)	1.084.992.414	168.500.000
3	Mức trích tối đa bình quân 3 tháng tiền lương của người lao động; 1,5 tháng tiền lương người quản lý	3.254.977.242	252.750.000
4	Mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi; Quỹ thưởng Người quản lý kế hoạch năm 2021	1.700.000.000	250.000.000

Trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đặng Minh Thừa

DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2021

Đơn vị tính: Triệu đồng

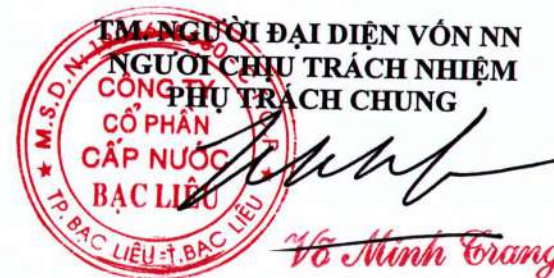
STT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Cấp công trình	Dự án đầu tư			Thanh toán vốn năm 2021	Tổng giá trị kế hoạch năm 2021	Ghi chú
					Quyết định	Ngày tháng	Tổng mức đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10 = 8-9	11
1	Công trình: Cải tạo và lắp đặt hệ thống cấp nước tại 5 đường và 17 hẻm nội ô tp Bạc Liêu 2021	Phường 1,2,3,5,7,8, NM -TP Bạc Liêu	Trong năm 2021	Công trình cấp IV	Xin chủ chương đầu tư		1,927		1,927	
2	Công trình: Lắp đặt hệ thống cấp nước tại 3 đường nội ô thành phố Bạc Liêu - năm 2021	Phường 8 -TP. Bạc Liêu	Trong năm 2021	Công trình cấp IV	Xin chủ chương đầu tư		977		977	
3	Công trình: Lắp đặt trụ cứu hỏa KCN Trà Kha và lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm 6 (Hẻm Chùa Miên), đường Trần Phú nối dài, nội ô thành phố Bạc Liêu - năm 2021	Phường 8 -TP. Bạc Liêu	Trong năm 2021	Công trình cấp IV	Xin chủ chương đầu tư		750		750	
4	Công trình: Sửa chữa trụ sở làm việc, nhà máy số 1, nhà để xe, đài nước số 2 và các giếng số 3, 4, 5, 14, 18	Phường 1,5,7 - TP. Bạc Liêu	Trong năm 2021	Công trình cấp IV	Xin chủ chương đầu tư		500		500	
5	Công trình: Nhà máy cấp nước khu Công nghiệp Trà kha công suất 2000m3/ngày/đêm (Giai đoạn 2)	Phường 8 -TP. Bạc Liêu	Trong năm 2021 - 2022	Công trình cấp IV	Xin chủ chương đầu tư		8,000	4,000	4,000	Năm 2021 giải ngân 50% vốn, còn lại 50% chuyển tiếp qua năm 2022
6	Xây dựng trạm tăng áp công suất Q= 250m3/h đường Cao Văn Lầu.	Phường NM-TP. Bạc Liêu	2021 - 2022	Công trình cấp IV	Xin chủ chương đầu tư					Năm 2021 khảo sát thiết kế và các thủ tục đầu tư, năm 2022 mới tiến hành thi công
TỔNG VỐN NĂM 2021							8,291	250	250	
							20,445	4,250	8,404	

Bảng chữ: Tám tỷ, bốn trăm lẻ bốn triệu đồng

* Ghi chú: Đơn giá trên là đơn giá tính suất đầu tư khái toán sơ bộ để tính mức đầu tư và nhu cầu vốn trong kế hoạch năm 2021. Giá trị quyết toán công trình thực hiện theo hồ sơ thiết kế và dự toán được các Sở, Ban Ngành thẩm định và chủ đầu tư phê duyệt theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- HĐQT;
- Lưu: VT, P. KH-KT.



Số: 07/TT- HĐQT

Bạc Liêu, ngày 25 tháng 10 năm 2021.

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021
của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được Đại Hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 19/12/2015 và sửa đổi bổ sung lần 1 ngày 19/9/2019,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp Nước Bạc Liêu kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các đơn vị sau làm đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty:

1. Công ty TNHH Kiểm toán VACO

Địa chỉ: Lầu 11 tòa nhà HUD Buiding, 159 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh - Tel: 028 3840 6618 - Fax: 028 3840 6616

2. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Địa chỉ: Lầu 3, tòa nhà Galaxy 9 Số 9 Nguyễn Khoái, phường 1, Quận 4, TP Hồ Chí Minh - Tel: (84.28) 3945 0505 - Fax: (84.28) 3945 1106

3. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt.

Địa chỉ: Số 33 Phan Văn Khỏe, Phường 13, Quận 5, TP Hồ Chí Minh
Tel: +84 (8) 3859 2285; Fax: +84 (8) 3859 2289

4. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Địa chỉ: Số 02 Trường Sơn, P02, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel : (84 - 28) 35472972; Fax: (84 -28) 35472970

Trường hợp cả 04 đơn vị trên không đủ điều kiện theo Công bố của Bộ Tài chính đến thời điểm kiểm toán thì Ban Kiểm soát đề xuất lựa chọn để Hội đồng quản trị quyết định chọn một đơn vị khác đủ điều kiện thay thế mà không phải xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Dương Minh Thù

Số: 04/TT- HĐQT

Bạc Liêu, ngày 25 tháng 10 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua thù lao thực hiện HĐQT, BKS, Thư ký năm 2020
và thù lao kế hoạch HĐQT, BKS, Người phụ trách quản trị năm 2021**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được Đại hội cổ đông Công ty thông qua ngày 19/12/2015 và sửa đổi, bổ sung ngày 19/9/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2020 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Cấp nước Bạc Liêu,

Nhằm đảm bảo trách nhiệm gắn với quyền lợi của người quản lý điều hành trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội cổ đông thông qua thù lao thực hiện năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị như sau:

1. THÙ LAO THỰC HIỆN NĂM 2020

1.1. Thù lao thực hiện của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách

Thù lao thực hiện năm 2020 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách bằng 20% tổng quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý chuyên trách theo quy định Khoản 2 Điều 16 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh Xã hội. Thù lao thực hiện của HĐQT, BKS như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao kế hoạch	Thù lao tăng thêm theo lợi nhuận tăng (20%)	Số tháng làm việc	Thù lao thực hiện năm
1	Đặng Minh Thừa	CT HĐQT	7.230.000	1.446.000	08	69.408.000
2	Quốc Hồ Đình Tuấn	CT HĐQT	7.230.000	1.446.000	04	34.704.000
3	Võ Minh Trang	TV HĐQT	5.500.000	1.100.000	12	79.200.000
4	Lê Văn Huy	TV HĐQT	5.500.000	1.100.000	12	79.200.000
5	Phan Chí Quang	Kiểm soát viên	4.500.000	900.000	08	43.200.000
6	Lý Hồng Yến	Kiểm soát viên	4.500.000	900.000	12	64.800.000
	Tổng cộng					370.512.000



1.2. Thù lao Thư ký Hội đồng quản trị: 36.000.000 đồng/người/năm

2. THÙ LAO KẾ HOẠCH NĂM 2021

Thù lao kế hoạch của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách và Người phụ trách quản trị công ty bằng 20% tổng quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý chuyên trách theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh Xã hội:

TT	Chức danh	Số người quản lý	Thù lao bình quân tháng	Số tháng làm việc	Thù lao kế hoạch năm
1	Thành viên Hội đồng quản trị	02	5.000.000	12	120.000.000
2	Thành viên Ban kiểm soát	03	4.500.000	12	162.000.000
3	Người phụ trách quản trị công ty	01	4.000.000	12	48.000.000
Tổng cộng:					330.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội cổ đông;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đặng Minh Thừa

Số: 01 /TTr - HĐQT

Bạc Liêu, ngày 09 tháng 5 năm 2022

TỜ TRÌNH

**Về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2016-2020
và bầu bổ nhiệm thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2021-2025**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 19/12/2015 và sửa đổi, bổ sung ngày 19/9/2019;

Căn cứ Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 04/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh tỷ lệ nắm giữ phần vốn nhà nước của người đại diện tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

Căn cứ quy mô tổ chức, tình hình hoạt động và định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (gọi tắt là Công ty). Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2016-2020 do kết thúc nhiệm kỳ và bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2025 như sau:

1. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

TT	Miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016 - 2020	Miễn nhiệm thành viên BKS nhiệm kỳ 2016 - 2020
1	Ông Đặng Minh Thừa - Chủ tịch HĐQT	Bà Quách Thụy Phương Thảo- Trưởng BKS
2	Ông Lê Văn Huy -Thành viên HĐQT	Bà Lý Hồng Yến - Thành viên BKS
3	Ông Võ Minh Trang - Thành viên HĐQT	Ông Phan Chí Quang - Thành viên BKS

2. Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

- Số lượng thành viên HĐQT: 03 thành viên
- Số lượng thành viên BKS: 03 thành viên
- Nhiệm kỳ HĐQT, BKS: 05 năm (2021-2025)
- Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử nhiệm kỳ 2021-2025 của Công ty.



TT	Bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 - 2025	Bầu cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2021 - 2025
1	Ông Võ Minh Trang - Thành viên HĐQT	Ông Nguyễn Văn Út - Thành viên BKS
2	Bà Nguyễn Thị Lan Hương- Thành viên HĐQT	Bà Lý Hồng Yến - Thành viên BKS
3	Ông Lê Thanh Bảo - Thành viên HĐQT	Bà Dương Thị Mỹ Hoa - Thành viên BKS

(Sơ yếu lý lịch của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đính kèm theo tờ trình này).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đặng Minh Thừa



SƠ YẾU LÝ LỊCH

- 1) Họ và tên khai sinh: **VÕ MINH TRANG** . Nam, nữ: Nam
- 2) Các tên gọi khác: Không
- 3) Cấp ủy hiện tại: Chi ủy viên, Bí thư Chi bộ, Cấp ủy kiêm nhiệm:
Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.
- 4) Sinh ngày 22 tháng 8 năm 1980.
- 5) Nơi sinh: xã Tân Phong, TX Giá Rai, Bạc Liêu
- 6) Quê quán: Xã Tân Phong, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.
- 7) Nơi ở hiện nay: Số 26 lô P, Châu Văn Đăng, khóm 7, phường 1, TP. Bạc Liêu. Đ/thoại: 0913 892616
- 8) Dân tộc: Kinh. 9) Tôn giáo: Không
- 10) Thành phần gia đình xuất thân: Làm ruộng
- 11) Nghề nghiệp bản thân trước khi được tuyển dụng: Kế toán
- 12) Ngày được tuyển dụng:/...../..... Cơ quan nào, ở đâu:.....
- 13) Ngày vào cơ quan hiện đang công tác:/...../ 2005. Ngày tham gia cách mạng:.....
- 14) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: 10/12/2010 Ngày chính thức: 10/12/2011.
- 15) Ngày tham gia tổ chức chính trị - xã hội:.....
(Ngày tham gia tổ chức: Đoàn, Hội, và làm việc gì trong tổ chức đó)
- 16) Ngày nhập ngũ:...../...../..... Ngày xuất ngũ:...../...../..... Quân hàm cao nhất:.....
- 17) Trình độ học vấn: Giáo dục phổ thông: 12/12. Học hàm, học vị cao nhất: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán (đang chờ nhận bằng Thạc sĩ Quản trị kinh doanh).
(lớp mấy) GS, PGS, TS, PTS, Thạc sĩ, cử nhân, kỹ sư.....năm nào, chuyên ngành gì
- Lý luận chính trị: Cao cấp. - Ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ B.
(Cử nhân, Cao cấp, Trung cấp, Sơ cấp) (Anh A/B/C), Nga (A/B/C), Pháp (A/B/C),
- 18) Công tác chính đang làm: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu
- 19) Ngạch công chức:.....(mã ngạch:.....). Bậc lương: 2/2. Hệ số: 5,32. Ngày hưởng: 01/10/2013.
- 20) Danh hiệu được phong:.....
(Anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang: nhà giáo, thầy thuốc, nghệ sĩ nhân dân ưu tú,...)
- 21) Sở trường công tác:.....Công việc đã làm lâu nhất:.....
- 22) Khen thưởng:.....
(Hình thức cao nhất, năm nào)
- 23) Kỷ luật (đang, chính quyền, đoàn thể, cấp quyết định năm nào, lý do, hình thức): Không
- 24) Tình trạng sức khoẻ: Tốt. Chiều cao: 1,68 m, Cân nặng: 70 kg, Nhóm máu: B
- 25) Số chứng minh nhân dân: 385185372. Thương binh loại:.....Gia đình liệt sỹ:

26) ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VỀ CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ, LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ, NGOẠI NGỮ

Tên trường	Ngành học hoặc tên lớp học	Thời gian học	Hình thức học	Văn bằng, chứng chỉ, trình độ gì
1. Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM.	Tin học ứng dụng	12/1999 – 5/2000	Chính quy	Trình độ A
2. Trường Đại học Bạc Liêu.	Ngoại ngữ: Tiếng Anh	01/2008 – 9/2008	Chính quy	Trình độ B
3. Trường ĐH Kinh tế TP. HCM.	Kế toán	10/2007 – 12/2009	Tại chức	Cử nhân
4. Trường Chính trị Châu Văn Đăng	Lý luận Chính trị - Hành chính	06/2013 – 06/2014	Tại chức	Trung cấp
5. Trường ĐH Bình Dương - CM	Quản trị kinh doanh	01/2016 – 12/2018		Thạc sỹ

Ghi chú: Hình thức đào tạo: Chính quy, tại chức, chuyên tu, bồi dưỡng / Văn bằng: TSKH, TS, Ths, Cử nhân, Kỹ sư

27) TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đăng, chính quyền, đoàn thể)
06/2005 – 06/2006	Nhân viên kế toán, Ban QLDA Cấp thoát nước & Vệ sinh môi trường TXBL.
07/2006 – 08/2009	Nhân viên kế toán, Công ty Cấp nước Bạc Liêu.
09/2009 – 07/2010	Phó Trưởng phòng kế toán, Công ty Cấp nước Bạc Liêu.
08/2010 – 12/2015	Trưởng phòng kế toán - Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu.
01/2016 – nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Cấp nước Bạc Liêu

28) ĐẶC ĐIỂM LỊCH SỬ BẢN THÂN:

a/ Khai rõ: bị bắt, bị tù (từ ngày tháng năm nào đến ngày tháng năm nào, ở đâu), đã khai báo cho ai, những vấn đề gì?

Không bị bắt, không bị tù.

b/ Bản thân có làm việc trong chế độ cũ (cơ quan, đơn vị nào, địa điểm, chức danh, chức vụ, thời gian làm việc ...)

Bản thân không làm việc trong chế độ cũ.

29) QUAN HỆ VỚI NƯỚC NGOÀI:

- Tham gia hoặc có quan hệ với các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội nào ở nước ngoài (làm gì, tổ chức nào, đặt trụ sở ở đâu ..?):

Không tham gia và không có mối quan hệ với các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội ở nước ngoài.

- Có thân nhân (Cha, Mẹ, Vợ, Chồng, con, anh chị em ruột) ở nước ngoài (làm gì, địa chỉ ...?):

Không có thân nhân ở nước ngoài.

30) QUAN HỆ GIA ĐÌNH:

a) Về bản thân: Cha, Mẹ, Vợ (hoặc chồng), các con, anh chị em ruột

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

- 1) Họ và tên khai sinh: **NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG**
- 2) Sinh ngày: 02 tháng 10 năm 1969 - Giới tính: Nữ
Số CMND: 385229384 - Ngày cấp: 07/07/2015 - Nơi cấp: Công An Bạc Liêu
- 3) Nơi sinh: thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu.
- 4) Quê quán: Xã Long Điền, Huyện Đông Hải, Tỉnh Bạc Liêu
- 5) Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không.
- 6) Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 19/5 Tôn Đức Thắng Khóm 5, Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
- 7) Nơi ở hiện nay: Ấp Tân Tạo, Thị Trấn Châu Hưng, Huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu
- 8) Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- 9) Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng.
- 10) Trình độ giáo dục phổ thông: 12/12
- 11) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: 05/01/2013
- 12) Quá trình học tập và đào tạo chuyên môn

Tên trường	Chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng	Từ tháng năm - Đến tháng năm	Hình thức đào tạo	Văn bằng chứng chỉ, trình độ gì
Trường TH Kinh tế - Kỹ thuật Bạc Liêu	Kế toán Doanh nghiệp	1996 - 1998	Tại chức	Trung cấp kế toán
Trường Đại Học Kinh tế TP HCM	Cử nhân kinh tế	1999 - 2004	Tại chức	Cử nhân kinh tế

13) Tóm tắt quá trình công tác

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
01/1989 - 12/1991	Văn thư Sở Văn hóa và Thông tin tỉnh Bạc Liêu
01/1992 - 03/2003	Kế toán Công ty Điện ảnh Băng từ tỉnh Bạc Liêu trực thuộc Sở Văn hóa và Thông tin tỉnh Bạc Liêu
04/2004 - 01/2011	Kế toán Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu
02/2011 - 12/2015	Phó phòng Tài chính kế toán Cty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu
01/2016 đến nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu

14) Quan hệ gia đình: Bố mẹ anh chị em ruột

Mối quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị, công tác, học tập, nơi ở
Cha	Trần Bá Kiệt	1917	Điều dưỡng Bệnh viện Bạc Liêu, đã mất năm 1997
Mẹ	Nguyễn Thị Hậu	1934	Buôn bán, đã mất năm 2002
Chị	Nguyễn Bích Thủy	1956	Kế toán trưởng Cấp nước Bạc Liêu, đã nghỉ hưu
Chị	Nguyễn Bích Sơn	1960	Phó tổng biên tập Báo đất mũi, đã nghỉ hưu
Chị	Nguyễn Bích Thuận	1961	TP Đầu tư Bệnh viện Bưu điện TPHCM, đã nghỉ hưu
Chị	Nguyễn Bích Diệp	1964	Nội trợ, cư trú phường 1 tp Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
Chị	Nguyễn Ngọc Diệp	1966	Nội trợ, cư trú phường 5 tp Cà Mau, tỉnh Cà Mau
Em	Nguyễn Xuân Lan	1971	Tu sĩ Phật giáo chùa Bửu An H. Vĩnh Lợi Bạc Liêu
Em	Trần Thái Bảo	1975	Công tác Công ty Viễn Thông Bạc Liêu (VNPT)
Chồng	Nguyễn Thanh Bình	1967	Công tác Công ty Điện lực Bạc Liêu (đã ly hôn)
Con	Nguyễn Xuân Yên	1994	Công tác Cty TNHH Maersk Việt Nam tại TPHCM
Con	Nguyễn Phúc Minh	2003	Sinh viên Trường Đại học Bách khoa TP HCM

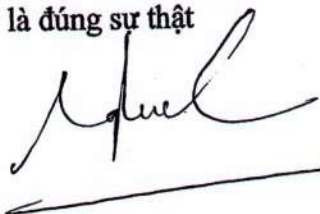
15) Nhận xét của cơ quan, đơn vị quản lý sử dụng cán bộ.

Bạc Liêu, ngày 20 tháng 8 năm 2021

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người khai

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật



Nguyễn Thị Lan Hương



Võ Minh Cường

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên khai sinh (viết chữ in hoa): **LÊ THANH BẢO**
2. Tên gọi khác: Không
3. Sinh ngày: 09 tháng 11 năm 1965, Giới tính (nam, nữ): Nam
4. Nơi sinh: Hà Nội.
5. Quê quán: Xã Minh Diệu, Huyện Hòa Bình, Tỉnh Bạc Liêu.
6. Dân tộc: Kinh ,
7. Tôn giáo: Không
8. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường Nguyễn Thị Bùi, KDC Phường 2, TP. Bạc Liêu
(Số nhà, đường phố, thành phố; xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)
9. Nơi ở hiện nay: đường Nguyễn Thị Bùi, KDC Phường 2, TP. Bạc Liêu
(Số nhà, đường phố, thành phố; xóm, thôn, xã, huyện tỉnh)
10. Nghề nghiệp khi được tuyển dụng: Sinh viên
11. Ngày tuyển dụng: 01/9/ 1992, Cơ quan tuyển dụng: Công ty công trình đô thị Bạc Liêu
12. Chức vụ (chức danh) hiện tại: Phó Bí thư Chi bộ; Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu;
(Về chính quyền hoặc Đảng, đoàn thể, kể cả chức vụ kiêm nhiệm)
13. Công việc chính được giao: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu
14. Ngạch công chức (viên chức):....., Mã ngạch:.....
Bậc lương:, Hệ số:, Ngày hưởng, Phụ cấp chức vụ:....., Phụ cấp khác:.....
- 15.1. Trình độ giáo dục phổ thông (đã tốt nghiệp lớp mấy/ thuộc hệ nào): 12/12
- 15.2. Trình độ chuyên môn cao nhất: Cử nhân Quản trị kinh doanh; Kỹ sư Cấp thoát nước
(TSKH, TS, Ths, cử nhân, kỹ sư, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp; chuyên ngành)
- 15.3. Lý luận chính trị: Trung cấp , 15.4. Quản lý nhà nước:
(Cao cấp, trung cấp, sơ cấp và tương đương) (Chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính, chuyên viên, cán sự....)
- 15.5. Ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ B , 15.6. Tin học: trình độ A
(Tên ngoại ngữ + Trình độ A, B, C, D,...) (Trình độ A, B, C,...)
16. Ngày vào Đảng cộng sản Việt Nam 04/10/1999 , Ngày chính thức: 04/10/2000
17. Ngày tham gia tổ chức chính trị - xã hội:.....
(Ngày tham gia tổ chức: Đoàn, Hội,... Và làm việc gì trong tổ chức đó)



18. Ngày nhập ngũ:...../...../....., Ngày xuất ngũ:...../...../....., Quân hàm cao nhất: ...

19. Danh hiệu được phong tặng cao nhất:.....

(Anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang; nhà giáo, thầy thuốc, nghệ sĩ nhân dân, ưu tú,...)

20. Sở trường công tác:.....

21. Khen thưởng:....., 22. Kỷ luật: Không

(Hình thức cao nhất, năm nào) (Về đảng, chính quyền, đoàn thể hình thức cao nhất, năm nào)

23. Tình trạng sức khỏe: Tốt, Chiều cao: 1,66m Cân nặng: 62 kg, Nhóm máu: O

24. Là thương binh hạng:/....., Là con gia đình chính sách ():

(Con thương binh, con liệt sĩ, người nhiễm chất độc da cam Dioxin)

25. Số chứng minh nhân dân: 385301137, cấp ngày 24/11/2003

26. Số sổ BHXH:

27. Đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học

Tên trường	Chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng	Từ tháng năm Đến tháng năm	Hình thức đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ, trình độ gì
1. ĐH Cần Thơ	Khai thác thủy hải sản	1988-1991	Dài hạn	Kỹ sư
2. ĐH Kiến trúc Hà Nội	Cấp thoát nước đô thị	1994-1998	Tại chức	Kỹ sư
3. ĐH Trà Vinh	Quản trị kinh doanh	2015-2018	Tại chức	Cử nhân
4. Trường Chính trị Châu Văn Đăng Bạc Liêu	Chính trị	2013-2014		Trung cấp

Ghi chú: Hình thức đào tạo: chính quy, tại chức, chuyên tu, bồi dưỡng...../ Văn bằng: TSKH, TS, Ths, Cử nhân, Kỹ sư.....

28. Tóm tắt quá trình công tác

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội), kể cả thời gian được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ,...
Trước năm 1992	Đi học
09/1992-1994	Làm việc tại Công ty công trình đô thị Bạc Liêu
2002-2010	Trưởng bộ phận kỹ thuật BQLDA CTN và VSMT Bạc Liêu
2010-2015	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu, kiêm Phó Giám đốc Ban QLDA CTN và VSMT Bạc Liêu
2016-2020	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu

29. Đặc điểm lịch sử bản thân:

- Khai rõ: bị bắt, bị tù (từ ngày tháng năm nào đến ngày tháng năm nào, ở đâu), đã khai báo cho ai, những vấn đề gì? Bản thân có làm việc trong chế độ cũ (cơ quan, đơn vị nào, địa điểm, chức danh, chức vụ, thời gian làm việc...)

Không bị bắt, không bị tù

- Thời gian hoặc có quan hệ với các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội nào ở nước ngoài (làm gì, tổ chức nào, đặt trụ sở ở đâu...?):...

Không có

- Có thân nhân (Cha, Mẹ, Vợ, chồng, con, anh chị em ruột) ở nước ngoài (làm gì, địa chỉ...)?

Không có

30. Quan hệ gia đình

a. Về bản thân: Cha, Mẹ, Vợ (hoặc chồng), các con, anh chị em ruột

Mối quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội ...?)
Bố	Lê Thanh Tâm	1925	Đã mất
Mẹ	Nguyễn Thị Chí	1931	Cán bộ đã nghỉ hưu
Vợ	Châu Hồng Nguyệt	1958	Nội trợ, buôn bán
Chị	Lê Hồng Vân	1957	Giáo viên đã nghỉ hưu
Chị	Lê Thanh Hằng	1959	Giáo viên tại TP.HCM
Chị	Lê Thanh Nga	1963	Đã nghỉ hưu do mất sức lao động
Chị	Lê Thanh Hà	1964	Phóng viên Báo Tuổi trẻ
Em	Lê Thanh Long	1969	Ban QLDA NN và PTNT Bạc Liêu



b. Về bên vợ: Cha, Mẹ, anh chị em ruột

Mối quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội ...?)
Bố vợ	Châu Hồng Liêm	1924	Đã mất
Mẹ vợ	Huỳnh Thị Lang	1924	Đã mất
Chị	Châu Hồng Ánh	1947	Định cư ở Mỹ
Chị	Châu Hồng Hoa	1956	Định cư ở Mỹ
Em	Châu Hồng Cúc	1963	Định cư ở Canada
Em	Châu Hồng Hải	1960	Phường 5, Bạc Liêu
Em	Châu Hồng Ngọc	1965	Phường 5, Bạc Liêu
Em	Châu Hồng Đức	1972	Định cư ở Mỹ

Nguồn thu nhập chính của gia đình: Lương và buôn bán khoảng 350 triệu.

+ Các nguồn khác:

Nhà ở: + được cấp, được thuê, loại nhà: không, tổng diện tích sử dụng: 0 m²

+ Nhà tự mua, tự xây, loại nhà: Nhà cấp 3, tổng diện tích sử dụng 130 m²

Đất ở: + Đất được cấp: Không + Đất tự mua: 97,5 m²

Đất sản xuất kinh doanh: Không

Bạc Liêu, ngày 20 tháng 8 năm. 2021

Người khai

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là
đúng sự thật



Lê Chanh Bảo

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý và sử dụng
CBCC


Võ Minh Trang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

- 1) Họ và tên khai sinh: **NGUYỄN VĂN ÚT**
- 2) Sinh ngày: 10/02/1969 , Giới tính: Nam.
Số CMND, CCCD: 095069000107; Ngày cấp: 19/02/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- 3) Nơi sinh: Xã Hưng Phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu
- 4) Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không
- 5) Nơi ở hiện nay: 25, Trần Văn Tấn, Khóm 7, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
- 6) Trình độ giáo dục phổ thông: 12/12
- 7) Trình độ chuyên môn:
- Lý luận chính trị: Cao cấp; - Quản lý nhà nước: Chuyên viên chính.
- Ngoại ngữ: B - Tin học: B
- 8) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: 03/11/2004.
- 9) Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

Tên trường	Chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng	Từ tháng, năm - Đến tháng, năm	Hình thức đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ, trình độ gì
Trường Đại học Cần Thơ	Kinh tế	1987 - 1992	Tại chức	Cử nhân Kinh tế
Sở Tài chính tỉnh Minh Hải	Kế toán trưởng	T3/1993- T5/1993	Bồi dưỡng	Giấy chứng nhận
Trường Ctrị tỉnh Bạc Liêu	Quản lý nhà nước Chuyên viên	T4/2001- T5/2001	Bồi dưỡng	Giấy chứng nhận
Trung tâm tin học STC	Tin học B	T7/2005- T11/2005	Bồi dưỡng	Chứng chỉ
Trung tâm tin học STC	Tin học B	T7/2005- T11/2005	Bồi dưỡng	Chứng chỉ
Trường Chính trị Bạc Liêu	Trung cấp lý luận chính trị	T4/2006- T8/2006	Bồi dưỡng	Bằng tốt nghiệp
Trung tâm tin học STC	B Anh văn	T6/2009- T7/2009	Bồi dưỡng	Chứng chỉ
Học viện hành chính HCM	Quản lý NN chuyên viên chính	T6/2009- T9/2009	Bồi dưỡng	Chứng chỉ
Học viện Chính trị Hành chính HCM	Cao cấp lý luận chính trị - Hành chính	T5/2010- T10/2012	Tại chức	Bằng tốt nghiệp

Đại học Tài chính-Marketing	Nghiệp vụ thẩm định giá	T8/2015-T8/2015	Bồi dưỡng	Chứng chỉ
Học viện hành chính quốc gia	Quản lý NN chuyên viên cao cấp	T5/2020-T9/2020	Bồi dưỡng	Chứng chỉ

10) Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội), kể cả thời gian được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ....
Từ T11/1992 đến T10/1995	Chuyên viên Phòng Tài chính ngành – Sở Tài chính vật giá tỉnh Minh Hải
Từ T11/1995 đến T10/1999	Chuyên viên Phòng Quản lý doanh nghiệp – Cục Quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp Minh Hải
Từ T11/1999 đến T6/2003	Chuyên viên Phòng Quản lý doanh nghiệp Bạc Liêu – Sở Tài chính-vật giá Bạc Liêu
Từ T6/2003 đến T11/2005	Chuyên viên phòng Quản lý Giá – công sản – Sở Tài chính Bạc Liêu; Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam
Từ Tháng 11/2005 T8/2019	Phó trưởng phòng Quản lý Giá – công sản – Sở Tài chính Bạc Liêu; Đảng ủy viên BCH Đảng bộ Sở Tài chính nhiệm kỳ: 2015-2020
Từ Tháng 9/2019 đến nay	Phó trưởng phòng Quản lý Giá – Doang nghiệp - Công sản, Sở Tài chính Bạc Liêu; Đảng ủy viên BCH Đảng bộ Sở Tài chính nhiệm kỳ: 2021-2026

11) Quan hệ gia đình:

a) Bố mẹ, vợ chồng, anh chị em ruột

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, đơn vị công tác học tập, nơi ở (trong, ngoài nước): Thành viên các tổ chức chính trị Xã hội
Cha ruột	Nguyễn Văn Hai	1920	Quê quán: xã Hưng phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Nghề nghiệp: Trước và sau 30/4/1975 làm ruộng tại xã Hưng phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu; Mất năm 2016, chôn tại quê nhà ấp Mỹ Trinh, xã Hưng Phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.
Mẹ ruột	Phan Thị Lan	1927	Quê quán: xã Hưng Phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Nghề nghiệp: Trước và sau 30/4/1975 làm ruộng tại xã Hưng Phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu; Mất năm 2008, chôn tại quê nhà ấp Mỹ Trinh, xã Hưng Phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.
Vợ	Phan Võ Anh Thư	1971	Quê quán: Quảng Nam-Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Phó Giám đốc Công ty XSKT Bạc Liêu; Trước 30/4/1975 còn nhỏ đi học, sống chung với gia đình, sau 30/4/1975 đi học, ra trường đi làm tại Sở Tài chính tỉnh Minh Hải, năm 1998 có

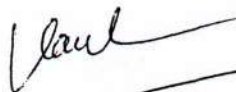
			gia đình, công tác tại Công ty XSKT Bạc Liêu. Hiện nay, ở khóm 7, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
Con	Nguyễn Phan Bảo Gia	01/01/2005	Quê quán: Xã Hưng phú, huyện Phước Long tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Học sinh Trường trung học cơ sở Võ Thị Sáu, phường 3, TP Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; hiện sống chung với cha, mẹ tại khóm 7, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
Con	Nguyễn Phan Gia Bảo	16/7/2008	Quê quán: Xã Hưng phú, huyện Phước Long tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Học sinh Trường tiểu học cơ sở Phùng Ngọc Liêm, phường 3, TP Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; hiện sống chung với cha, mẹ tại khóm 7, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
Anh	Nguyễn Văn Hiền	1948	Quê quán: Xã Hưng phú, huyện Phước Long tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Làm ruộng, hiện nay sinh sống và làm ruộng tại xã Vĩnh Hưng A, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.
Anh	Nguyễn Hiếu Thảo	1950	Quê quán: Xã Hưng phú, huyện Phước Long tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Làm ruộng, hiện nay sinh sống và làm Bí thư Chi bộ ấp Chùa Phật, thị trấn Hòa Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.
Anh	Nguyễn Văn Nhơn	1952	Quê quán: Xã Hưng phú, huyện Phước Long tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Làm ruộng, hiện nay sinh sống và làm ruộng tại xã Hưng Phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.
Anh	Nguyễn Văn Duyên	1954	Quê quán: Xã Hưng phú, huyện Phước Long tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Làm ruộng, hiện nay sinh sống và làm ruộng tại xã Vĩnh Hậu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.
Chị	Nguyễn Thị Trinh	1957	Quê quán: Xã Hưng phú, huyện Phước Long tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Nội trợ, hiện nay sinh sống tại Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
Chị	Nguyễn Thị Thu Đông	1961	Quê quán: Xã Hưng phú, huyện Phước Long tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Nội trợ, hiện nay sinh sống tại thị trấn Hòa Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.
Chị	Nguyễn Thị Cẩm Cuốn	1965	Quê quán: Xã Hưng phú, huyện Phước Long tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Nội trợ, hiện nay sinh sống tại thị trấn Hòa Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

b) **Bố mẹ, anh chị em ruột (vợ)**

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, đơn vị công tác học tập, nơi ở (trong, ngoài nước): Thành viên các tổ chức chính trị Xã hội
Cha vợ	Phan Văn Bảy	1952	Quê quán: Quảng Nam – Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Mua bán, hiện nay sinh sống tại Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
Mẹ vợ	Phan Thị Ngọc Mai	1952	Quê quán: Quảng Nam – Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Mua bán, hiện nay sinh sống tại Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
Em vợ	Phan Trung Can	1980	Quê quán: Quảng Nam – Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Kinh doanh, mua bán, hiện nay sinh sống tại Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.
Em vợ	Phan Trung Trục	1984	Quê quán: Quảng Nam – Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Trưởng Chi nhánh Công ty bảo vệ Long Hoàng tại Bạc Liêu; cư trú tại Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Người khai

Tôi xin cam đoan những lời khai
trên đây là đúng sự thật



Nguyễn Văn Út

Bạc Liêu, ngày 20 tháng 8 năm 2021

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền



Trần Văn Sỹ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

- 1) Họ và tên khai sinh: **LÝ HỒNG YẾN**
- 2) Sinh ngày: 22/05/1978 , Giới tính: Nữ.
Số CMND: 095178000235; Ngày cấp: 19/02/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội
- 3) Nơi sinh: Xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau
- 4) Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không
- 5) Nơi ở hiện nay: 3/2, Lê Thị Hồng Gấm, khóm 6, Phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
- 6) Trình độ giáo dục phổ thông: 12/12
- 7) Trình độ chuyên môn:
 - Lý luận chính trị: Cao cấp; - Quản lý nhà nước: Chuyên viên.
 - Ngoại ngữ: B1 - Tin học: B
- 8) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: 12/10/2007.
- 9) Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

Tên trường	Chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng	Từ tháng, năm - Đến tháng, năm	Hình thức đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ, trình độ gì
Trường Cao đẳng BC Marketing	Marketing	9/1995 - 7/1998	Chính quy	Cử nhân Marketing
Trường Trung học Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Bạc Liêu	Kế toán Doanh nghiệp	8/2000 - 7/2002	Tại chức	Trung cấp
Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng	10/2003 - 4/2008	Tại chức	Cử nhân Kinh tế
Trường Chính trị Bạc Liêu	Quản lý Nhà nước	2013	Tại chức	Giấy Chứng nhận
Học viện Chính trị Khu vực IV	Cao cấp Lý luận Chính trị	8/2015 - 10/2017	Tại chức	Cao cấp
Trường Đại học Nội vụ Hà Nội	Quản lý nhà nước Chuyên viên chính	2017		Giấy Chứng nhận
Trường Đại học Nguyễn Trãi	Quản lý Kinh tế	2018 - 2020		Thạc sĩ

10) Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội), kể cả thời gian được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ....
10/1995 - 9/1998	Sinh viên Trường Cao đẳng BC Marketing
11/1998 - 10/2000	Nhân viên Kế toán tại Công ty Thương nghiệp Bạc Liêu
8/2000 - 7/2002	Được đào tạo chuyên ngành Kế toán Doanh nghiệp tại Trường Trung học Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Bạc Liêu
7/2002 - 10/2003	Nhân viên Kế toán tại Công ty Thương nghiệp Bạc Liêu
10/2003 - 4/2008	Được đào tạo chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng (Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh)
4/2008 - 9/2010	Nhân viên Kế toán tại Công ty Thương nghiệp Bạc Liêu
10/2010 - 10/2015	Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh Bạc Liêu
11/2015 - Nay	Phó Trưởng phòng Tổng hợp - Văn phòng UBND tỉnh Bạc Liêu
8/2015 - 10/2017	Được đào tạo Cao cấp Lý luận Chính trị (Học viện Chính trị Khu vực IV)
2017	Được đào tạo Quản lý nhà nước Chuyên viên chính (Trường Đại học Nội vụ Hà Nội)
2018 - 2020	Được đào tạo Thạc sĩ Quản lý Kinh tế (Trường Đại học Nguyễn Trãi)

11) Quan hệ gia đình:

a) Bố mẹ, vợ chồng, anh chị em ruột

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, đơn vị công tác học tập, nơi ở (trong, ngoài nước): Thành viên các tổ chức chính trị Xã hội
Cha	Lý Văn Chạy	1948	Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quê quán: Xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau; Nơi ở: 060, Khóm 8, phường 8, TP Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
Mẹ	Lê Thị Măng	1950	Nghề nghiệp: Nội trợ; Quê quán: Xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau; Nơi ở: 060, Khóm 8, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
Chồng	Phạm Hải Long	1978	Nghề nghiệp: Kế toán; Quê quán: Phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; Nơi ở: 3/2, Lê Thị Hồng Gấm, khóm 6, Phường 5, TP Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
Con	Phạm Lý Tố Quyên	2009	Nghề nghiệp: Học sinh; Quê quán: Phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; Nơi ở: 3/2, Lê Thị Hồng Gấm, khóm 6, Phường 5, TP Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
Con	Phạm Lý Đan Thanh	2019	Còn nhỏ; Nơi ở: 3/2, Lê Thị Hồng Gấm, khóm 6, Phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

Chị	Lý Hồng Thắm	1970	Nghề nghiệp: Nội trợ; Quê quán: Xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau; Nơi ở: Phường 2, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
Chị	Lý Hồng Vân	1972	Nghề nghiệp: Nội trợ; Quê quán: Xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau; Nơi ở: 060A, Khóm 8, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
Chị	Lý Hồng Xuân	1974	Nghề nghiệp: Buôn bán; Quê quán: Xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau; Nơi ở: 060, Khóm 8, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
Chị	Lý Hồng Thu	1976	Nghề nghiệp: Nội trợ; Quê quán: Xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau; Nơi ở: Ấp Nhà Mát, xã Hiệp Thành, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
Em	Lý Phúc Hên	1985	Nghề nghiệp: Buôn bán; Quê quán: Xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau; Nơi ở: 060, Khóm 8, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

b) Bố mẹ, anh chị em ruột (chồng)

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, đơn vị công tác học tập, nơi ở (trong, ngoài nước): Thành viên các tổ chức chính trị Xã hội
Cha chồng	Phạm Văn Hưng	1928	Già yếu; Quê quán: Rạch Thăng, xã Thuận Hòa, tỉnh Bạc Liêu; Nơi ở: 3/2, Lê Thị Hồng Gấm, khóm 6, Phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
Mẹ chồng	Đinh Thị Lang	1942	Đã mất; Quê quán: Phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
Anh Chồng	Phạm Văn Tuấn	1967	Nghề nghiệp: Công nhân; Quê quán: Phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; Năm 1984, định cư tại Canada
Anh Chồng	Phạm Phước Hiền	1968	Nghề nghiệp: Buôn bán; Quê quán: Phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; Nơi ở: 3/2, Lê Thị Hồng Gấm, khóm 6, Phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
Chị Chồng	Phạm Tố Như	1970	Nghề nghiệp: Công nhân; Quê quán: Phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; Năm 1988, định cư tại Canada
Chị Chồng	Phạm Thị Huệ	1972	Nghề nghiệp: Công nhân; Quê quán: Phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; Năm 1988, định cư tại Canada
Anh Chồng	Phạm Thành Nhân	1974	Nghề nghiệp: Kế toán Trưởng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu; Quê quán: Phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; Nơi ở: Phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
Chị Chồng	Phạm Hồng Thắm	1975	Nghề nghiệp: Công nhân; Quê quán: Phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; Năm 1997, định cư tại Canada

Người khai

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật



Lý Hồng Yên

Bạc Liêu, ngày 20 tháng 8 năm 2021
Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền



Trần Trung Việt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

- 1) Họ và tên khai sinh : **DƯƠNG THỊ MỸ HOA**
- 2) Sinh ngày : 21 tháng 5 năm 1973 – Giới tính : Nữ
- 3) Số CMND/ (CCCD) : 095173000109. Cấp ngày 19/2/2021
- 4) Nơi sinh : Thành phố Bạc Liêu – Tỉnh Bạc Liêu
- 5) Quê quán : Bạc Liêu
- 6) Dân tộc : Hoa – Tôn giáo : Không
- 7) Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : Số 1/10 Lê Thị Hồng Gấm, Khóm 6, Phường 5, thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu.
- 8) Nơi ở hiện nay : Số 1/10 Lê Thị Hồng Gấm, Khóm 6, Phường 5, thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu.
- 9) Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- 10) Chức vụ hiện tại : Nhân viên quản lý khách hàng thuộc phòng Kinh doanh
- 11) Trình độ giáo dục phổ thông : 12/12
- 12) Ngày vào Đảng Cộng Sản Việt Nam : Không có
- 13) Quá trình học tập và đào tạo chuyên môn

Tên trường	Chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng	Từ tháng năm – Đến tháng năm	Hình thức đào tạo	Văn bằng chứng chỉ, trình độ gì
Trường Trung Học Kinh Tế Kỹ Thuật Bạc Liêu	Kế toán doanh nghiệp sản xuất	2005-2007	Tại chức	Trung cấp kế toán
Trường Đại Học Kinh Tế Thành Phố Hồ Chí Minh	Cử nhân kinh tế	2008 – 2011	Tại chức	Cử nhân kinh tế

- 14) Tóm tắt quá trình công tác

Từ tháng năm đến tháng năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
05/1994 – 04/1997	Nhân viên vi tính Công Ty Công Trình Đô Thị Bạc Liêu
01/1999 – 08/2003	Nhân viên vi tính Công Ty Cấp Thoát Nước & Môi Trường Đô Thị Bạc Liêu
09/2003 – 09/2014	Nhân viên Công Ty TNHH MTV Cấp Nước Bạc Liêu
11/2014 – 09/2017	Thủ quỹ Công Ty TNHH MTV Cấp Nước Bạc Liêu
10/2017 - 08/2021	Nhân viên quản lý khách hàng Công Ty Cổ Phần Cấp Nước Bạc Liêu


- 15) Quan hệ gia đình: Bồ mẹ anh chị em ruột



Mối quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị, công tác, học tập, nơi ở
Cha	Dương Tệt	1920	Đại lý vé số tại Bạc Liêu. Đã mất năm 2003
Mẹ	Trần Thị Thanh	1932	Nội trợ. Đã mất năm 2015
Anh	Dương Thành Nhân	1955	Hy sinh năm 1973
Anh	Dương Đại quang	1958	Đang sinh sống ở nước ngoài (Canada)
Chị	Dương Thị Buổi	1959	Nội trợ. Cư trú 1/10 Lê Thị Hồng Gấm, Khóm 6 phường 5, thành phố Bạc Liêu
Chị	Dương Thị Xại	1960	Nội trợ. Cư trú 1/10 Lê Thị Hồng Gấm, Khóm 6 phường 5, thành phố Bạc Liêu
Anh	Dương Hào	1963	Đang sinh sống ở nước ngoài (Canada)
Anh	Dương Văn Út	1965	Có gia đình. Cư trú tại Xã Vĩnh Phước Huyện Vĩnh Châu
Anh	Dương Tuấn Khải	1966	Hiện đang cư trú 1/10 Lê Thị Hồng Gấm, Khóm 6 phường 5, thành phố Bạc Liêu
Anh	Dương Tấn Phát	1968	Mua Bán. Cư trú tại 3/18 Lê Thị Hồng Gấm Khóm 6, Phường 5 TP Bạc Liêu
Anh	Dương Phước	1970	Đang sinh sống tại Thành Phố Hồ Chí Minh
Chồng	Vương Kỳ Quang	1966	Làm Việc tại DN Tái Lợi – Trần Phú Phường 7 (Đã ly hôn)
Con	Vương Quốc Hiếu	2001	Sinh viên Trường Sư Phạm Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh

16) Nhận xét của cơ quan, đơn vị quản lý sử dụng cán bộ.

Người khai
Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật


Dương Thị Mỹ Hoa

Bạc Liêu, ngày 20 tháng 08 năm 2021
Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền




Võ Minh Trang



Số: 02 /TTr - HĐQT

Bạc Liêu, ngày 25 tháng 10 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về thông qua việc xây dựng Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị,
Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 19/12/2015 và sửa đổi, bổ sung ngày 19/9/2019.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu trình Đại hội đồng cổ đông về việc xây dựng Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu theo quy định văn bản pháp luật thay đổi cụ thể: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thay thế Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH1; Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 thay thế Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11. Và theo quy định tại Khoản 20 Điều 310 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán: "Công ty đại chúng có trách nhiệm xây dựng Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Nghị định này và các văn bản pháp luật có liên quan, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp gần nhất tính từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành". Thực hiện theo quy định văn bản pháp luật thay đổi Công ty đã xây dựng lại dự thảo các Quy chế thay đổi nhằm phù hợp với quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

(Đính kèm theo tờ trình gồm dự thảo Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu)

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Dương Minh Thìa